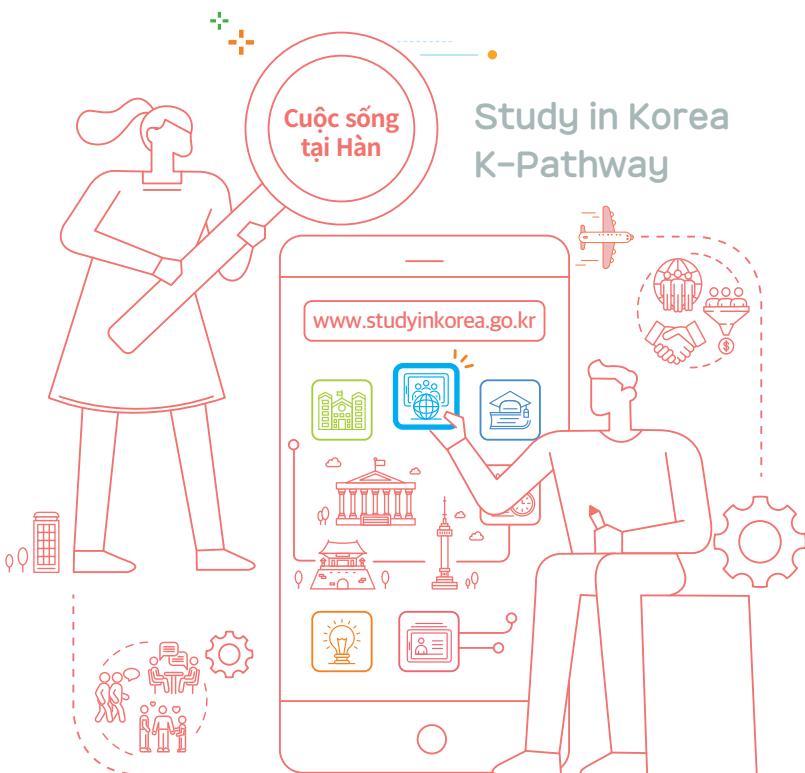




Bước đầu tiên cho hành trình du học Hàn Quốc



Ministry of Education
**National Institute for
International Education**

Mục lục

Du học Hàn Quốc

I. Hệ thống giáo dục của Hàn Quốc	04
II. Chuẩn bị đi du học	07
III. Giáo dục ngôn ngữ	10
IV. Chi phí du học	14
V. Kiểm soát nhập cư	20

Việc làm hoặc Cư trú

I. Chuẩn bị làm việc	28
II. Cuộc sống công việc	39
III. Thị thực liên quan đến nghề nghiệp và việc làm	41



Thông tin cuộc sống

I. Cuộc sống nhà ở	46
II. Bảo hiểm y tế	49
III. Lấy giấy phép lái xe	51
IV. Dịch vụ ngân hàng	52
V. Kích hoạt điện thoại di động	56
VI. Dịch vụ bưu chính	57
VII. Hướng dẫn tái chế riêng biệt	60
VIII. Phòng chống tội phạm	61

Phụ lục

Ngày lễ quốc gia	64
Tiếng Hàn thực tế	65
Giới thiệu Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia	66
Thông tin liên lạc khẩn cấp	67
Thông tin liên hệ của Đại sứ quán nước ngoài tại Hàn Quốc	68

Guide 1

Du học Hàn Quốc

#Cuộc sống du học thông minh



I. Hệ thống giáo dục của Hàn Quốc	04
II. Chuẩn bị đi du học	07
III. Giáo dục ngôn ngữ	10
IV. Chi phí du học	14
V. Kiểm soát nhập cư	20

I. Hệ thống giáo dục của Hàn Quốc

Hệ thống trường

Giáo dục Mầm non	Độ tuổi
Hệ thống	Trường mẫu giáo
Năm học	3-5 tuổi
Loại hình	<ul style="list-style-type: none"> Trung tâm chăm sóc ban ngày/Cơ sở chăm sóc trẻ em, Trường mẫu giáo
Giáo dục Trung học1	Độ tuổi
Hệ thống	Trung học cơ sở
Năm học	12-14 tuổi
Năm học	7, 8, 9
Loại hình	<ul style="list-style-type: none"> Trung học cơ sở (3 năm) Trường trung học cơ sở mở, trường trung học cơ sở trực thuộc công ty công nghiệp, lớp đặc biệt dành cho công ty công nghiệp (3 năm) Trường trung học phổ thông công dân, các trường khác (1-3 năm)
Giáo dục đặc biệt	Độ tuổi
Hệ thống	Trường mẫu giáo, Trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông
Năm học	3-17 tuổi
Năm học	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12
Loại hình	<ul style="list-style-type: none"> Trường học riêng cho học sinh giáo dục đặc biệt (Trường giáo dục đặc biệt)
Giáo dục Đại học1	Độ tuổi
Hệ thống	Đại học
Năm học	13, 14, 15, 16, 17, 18
Năm học	18-23 tuổi
Loại hình	<ul style="list-style-type: none"> Đại học (2-6 năm) Đại học công nghiệp, đại học sư phạm, đại học mở và cao đẳng kỹ thuật (4 năm) Đại học trực tuyến, đại học từ xa, đại học nội bộ công ty, cao đẳng khác (2-4 năm) Cao đẳng cơ sở (2-3 năm) Cao đẳng chuyên ngành, Cao đẳng bách khoa (2 năm)
Giáo dục Đại học2	Độ tuổi
Hệ thống	Trường cao học
Năm học	19, 20, 21, 22, 23
Loại hình	<ul style="list-style-type: none"> Trường cao học (3-5 năm)

※ Nguồn: Giáo dục tại Hàn Quốc năm 2023, Bộ Giáo dục

1. Hệ thống giáo dục nói chung

Hệ thống giáo dục Hàn Quốc theo mô hình 6-3-3-4 gồm các cấp mẫu giáo (3 năm), tiểu học (6 năm), trung học cơ sở (3 năm), trung học phổ thông (3 năm) và đại học (4 năm). Giáo dục bắt buộc bao gồm 6 năm tiểu học và 3 năm trung học cơ sở, được cung cấp miễn phí.

Chương trình	Trường học	Độ tuổi học sinh (tính nguyên năm)	Thời gian học tập
Giáo dục trẻ sớm	Trường mẫu giáo	3-5 tuổi	3 năm
Giáo dục tiểu học	Trường tiểu học	6-11 tuổi	6 năm
Giáo dục trung học	Trường trung học cơ sở	12-14 tuổi	3 năm
	Trường trung học phổ thông	15-17 tuổi	3 năm
Giáo dục đại học	Trường đại học	18 tuổi trở lên	4 năm

2. Chương trình học thuật

Trường mẫu giáo

Các trường mẫu giáo được phân loại dựa trên các đơn vị cơ bản là trường mẫu giáo quốc gia (cấp chính phủ quốc gia), trường mẫu giáo công lập (cấp chính quyền địa phương) và trường mẫu giáo tư nhân (cấp doanh nghiệp hoặc cá nhân). Ở trường mẫu giáo, giáo dục được thực hiện thông qua các hoạt động vui chơi phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ nhỏ, không có sách giáo khoa hoặc môn học cụ thể. Thông thường, cả chương trình giảng dạy thông thường (khoảng 4-5 giờ mỗi ngày) và chương trình sau giờ học đều được cung cấp.

Giáo dục tiểu học đến trung học

Các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông hoạt động theo hệ thống hai học kỳ mỗi năm. Học kỳ đầu tiên bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 cho đến ngày do hiệu trưởng nhà trường xác định căn cứ vào số ngày học, ngày nghỉ và chương trình giảng dạy. Học kỳ thứ hai bắt đầu vào ngày sau khi kết thúc học kỳ đầu tiên cho đến cuối tháng 2 năm sau đó. Giữa các học kỳ, có những khoảng thời gian nghỉ ngơi, điển hình là kỳ nghỉ hè diễn ra vào tháng 7 đến tháng 8 và kỳ nghỉ đông vào tháng 12 đến tháng 2.

Giáo dục đại học

Các cơ sở giáo dục đại học của Hàn Quốc được phân loại rộng rãi thành trường cao đẳng cơ sở (chương trình 2-3 năm), trường đại học (chương trình đại học 4 năm) và trường cao học. Với sự tiến bộ gần đây về công nghệ thông tin và truyền thông, các trường đại học trực tuyến chủ yếu cung cấp các khóa học trực tuyến đã được thành lập và đi vào hoạt động. Ngoài ra, các chương trình sau đại học (chương trình thạc sĩ và tiến sĩ) thường được cung cấp bởi các trường đại học 4 năm. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, cũng có những tổ chức được gọi là "trường đại học chỉ đào tạo sau đại học" chỉ cung cấp các chương trình cấp độ sau đại học mà không cung cấp chương trình đại học.

Phân loại	Trường đại học	Trường cao học
Chương trình đào tạo	Bằng liên kết	Bằng cử nhân
Thời gian học	2-3 năm	4-6 năm
		2 năm trở lên
		3 năm trở lên

(1) Trường đại học

Các chương trình được cung cấp tại các trường đại học Hàn Quốc

Chương trình học kỳ thông thường	Các chương trình cho phép sinh viên quốc tế tham gia các khóa học tổng quát thông thường chung với sinh viên trong nước trong các học kỳ thông thường vào mùa xuân và mùa thu. Có các khóa học tổng quát được thực hiện bằng tiếng Hàn và các khóa học tổng quát được thực hiện bằng tiếng nước ngoài; sinh viên tốt nghiệp có thể lấy được bằng sau khi hoàn thành các khóa học này.
Chương trình trao đổi sinh viên	Hầu hết các trường đại học Hàn Quốc thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên dựa trên thỏa thuận với các trường đại học liên kết ở nước ngoài, tạo điều kiện trao đổi lẫn nhau, cho phép sinh viên có thể học tại các trường đại học liên kết ở nước ngoài trong một khoảng thời gian nhất định. Sinh viên đăng ký chương trình trao đổi cần phải có trình độ học vấn và trình độ ngoại ngữ nhất định.
Chương trình học kỳ hè/đông	Sinh viên quốc tế có thể tham gia các khóa học thông thường hoặc các khóa học khác, bao gồm cả lớp học tiếng Hàn, trong kỳ nghỉ hè hoặc đông.
Các khóa học dạy bằng tiếng Anh	Hiện nay, các trường đại học quan tâm đến việc quốc tế hóa giáo dục cung cấp khoảng 30% tổng số khóa học bằng tiếng Anh. Tỷ lệ các môn học dạy bằng tiếng Anh ở bậc sau đại học cao hơn ở bậc đại học. Một số trường đại học đã thành lập các khoa quốc tế nơi tất cả các khóa học đều được giảng dạy bằng tiếng Anh.
Chương trình đào tạo tiếng Hàn	Nhiều trường đại học đã thành lập các cơ sở đào tạo ngôn ngữ trực thuộc để cung cấp các khóa học tiếng Hàn cho người nước ngoài. Các chương trình ngắn hạn, kéo dài 3-4 tuần, được thực hiện nhằm cải thiện kỹ năng giao tiếp một cách chuyên sâu trong thời gian ngắn. Các chương trình thông thường, kéo dài 10-40 tuần, nhằm mục đích nâng cao kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động bài tập liên quan đến cuộc sống thực tế. Các chương trình giảng dạy này còn được thực hiện đồng thời với các bài học văn hóa nhằm mở rộng hiểu biết về văn hóa Hàn Quốc và tăng hiệu quả học tập.

(2) Trường cao học

Ở Hàn Quốc, các trường cao học được chia thành các trường cao học tổng hợp học thuật và các trường cao học chuyên ngành định hướng nghề nghiệp.

Thời gian của chương trình thạc sĩ là từ hai năm trở lên. Chương trình này thường yêu cầu đạt được 24 tín chỉ. Các cá nhân muốn lấy bằng thạc sĩ phải đạt được một số tín chỉ nhất định, vượt qua kỳ thi quy định và nộp luận án; luận án sẽ được đánh giá bởi một hội đồng gồm ít nhất ba người chấm.

Thời gian của chương trình tiến sĩ là từ ba năm trở lên. Chương trình này thường yêu cầu đạt được 36 tín chỉ. Các cá nhân muốn lấy bằng tiến sĩ phải đạt được một số tín chỉ nhất định, vượt qua kỳ thi toàn diện và nộp luận án; luận án sẽ được đánh giá bởi một hội đồng gồm ít nhất năm người chấm.

Chương trình sau tiến sĩ liên quan đến việc tiếp tục nghiên cứu sau khi lấy được bằng tiến sĩ. Hiện nay, nhiều trường đại học Hàn Quốc đang triển khai dự án BK21, bằng cách mời các nhà nghiên cứu sau tiến sĩ tham gia các dự án nghiên cứu.

II. Chuẩn bị đi du học

Khi chọn trường đại học, bạn nên chọn trường đại học phù hợp bằng cách thu thập thông tin qua nhiều kênh khác nhau và đưa ra nhận định toàn diện. (ví dụ: Tìm kiếm tên trường đại học trên các cổng thông tin để tìm các bài viết liên quan, xem qua các tài liệu quảng bá do trường đại học cung cấp và khám phá kinh nghiệm du học được sinh viên quốc tế chia sẻ trên cộng đồng trực tuyến.) Các trường đại học Hàn Quốc cung cấp nhiều chương trình học thuật đa dạng, mỗi chương trình có thời lượng học tập khác nhau. Vì có sự khác biệt trong chương trình học thuật được cung cấp bởi mỗi trường đại học nên sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên kiểm tra trước chương trình của trường đại học muốn đăng ký.

Để đạt được mục tiêu du học trong thời gian mong muốn, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập cần thu thập thông tin về tiêu chí đủ điều kiện và thời gian học cần thiết, thủ tục nộp hồ sơ, các tài liệu cần thiết cũng như chi phí tài chính liên quan đến việc du học đối với chương trình học tập của mỗi trường đại học.

1. Tiêu chí nộp hồ sơ

Chương trình đào tạo	Tiêu chí
Bằng liên kết, bằng cử nhân	Cá nhân đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tiểu học và trung học ở nước sở tại (chương trình 12 năm).
Bằng thạc sĩ	Người có bằng Cử nhân
Bằng tiến sĩ	Người có bằng Thạc sĩ

※ Các điều kiện nộp hồ sơ nêu trên dựa trên tiêu chuẩn chung, vì vậy bạn nên kiểm tra trước hướng dẫn nhập học cụ thể của trường đại học mong muốn.

※ Đối với các quốc gia có hệ thống trường học dưới 12 năm, người nộp đơn có thể nhập học sau khi đã hoàn thành toàn bộ chương trình tiểu học và trung học cơ sở ở quốc gia tương ứng và hiệu trưởng trường đại học được họ chọn xác nhận thông tin đó bằng các giấy tờ chứng minh như chứng chỉ tốt nghiệp.

2. Thời gian nộp hồ sơ

Các trường đại học Hàn Quốc có hai học kỳ chính là mùa xuân và mùa thu, trong đó học kỳ mùa xuân (tuyển sinh vào tháng 3) thường nhận hồ sơ từ tháng 9 đến tháng 11 năm trước và học kỳ mùa thu (tuyển sinh vào tháng 9) thường nhận hồ sơ từ tháng 4 đến tháng 6 trong cùng năm. Vì các tài liệu nhập học và thời gian nộp đơn có thể khác nhau tùy theo trường đại học, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên kiểm tra trước thời hạn cụ thể của trường đại học mà họ lựa chọn thông qua trang web chính thức của trường đại học hoặc các nguồn khác.

3. Thủ tục nộp đơn

Quy trình tuyển sinh chung dành cho sinh viên quốc tế

* Giai đoạn trước khi nhập học



Chọn trường đại học và khoa
(한국유학종합시스템)

(Sử dụng trang web Study in Korea
<https://www.studyinkorea.go.kr>,
trang web của trường đại học hoặc
tham khảo ý kiến của cơ quan ngoại
giao Hàn Quốc ở nước ngoài.)

Yêu cầu mẫu đơn đăng
ký nhập học và chuẩn
bi các giấy tờ cần thiết.

Nộp đơn đăng ký nhập
học cùng với các giấy
tờ cần thiết.

Nhận thư nhập học

* Giai đoạn trước khi nhập cảnh



Chuẩn bị các giấy tờ liên quan đến
thị thực

(Liên hệ với cơ quan ngoại giao Hàn
Quốc ở nước ngoài hoặc truy cập
<https://www.immigration.go.kr>)

Xin thị thực

Nhận thị thực

4. Phương pháp tuyển sinh

Gần đây, phương thức nộp đơn trực tuyến qua mạng được sử dụng rộng rãi.

Các hình thức tuyển sinh chương trình đại học được chia thành tuyển sinh năm nhất và tuyển sinh chuyển tiếp. Tuyển sinh năm nhất dành cho học sinh tốt nghiệp trung học trở lên, trong khi tuyển sinh chuyển tiếp dành cho những người đã học tại một trường đại học trong một thời gian nhất định hoặc có bằng cao đẳng cơ sở trở lên. Trong khi hầu hết các trường đại học chủ yếu tuyển chọn sinh viên bằng cách sàng lọc hồ sơ, một số trường đại học lại tiến hành phỏng vấn hoặc kiểm tra. Bạn nên kiểm tra và chuẩn bị trước cho các phương pháp tuyển sinh của trường đại học mong muốn.

* Các giấy tờ cần thiết để nộp hồ sơ

Mẫu đơn xin cấp (công nhận) thị thực, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ sở giáo dục, Thư nhập học tiêu chuẩn, Giấy tờ chứng minh mối quan hệ gia đình, Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất, Giấy tờ chứng minh tài chính

※ Thời gian nộp hồ sơ, các giấy tờ cần nộp và lịch tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo từng trường đại học hoặc khoa, vì vậy vui lòng tham khảo hướng dẫn tuyển sinh cụ thể của tổ chức đang nộp hồ sơ để biết thông tin chi tiết.

※ Thông tin về trường đại học và chuyên ngành khác có sẵn trên trang web Study in Korea (<https://www.studyinkorea.go.kr>).

※ Tùy thuộc vào loại giấy tờ (thường là chứng nhận trình độ học vấn cao nhất), có thể cần phải công chứng bản dịch hoặc xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền (apostille).

* Hệ thống apostille

Đây là hệ thống dùng để công nhận trong nước cho các giấy tờ công ở nước ngoài mà không cần lãnh sự quán xác minh. 124 quốc gia trên toàn thế giới (tính đến ngày 7 tháng 11 năm 2023) là thành viên của công ước apostille (<https://www.apostille.go.kr/gb/app/appAppl.do>).

Mẹo. Các thuật ngữ và nội dung chính về giáo dục đại học Hàn Quốc

Đăng ký khóa học	Đăng ký các khóa học cho học kỳ sắp tới trước khi mỗi học kỳ bắt đầu.
Đánh giá khoa học	Đánh giá và đưa ra phản hồi về bài giảng của giáo sư vào cuối mỗi học kỳ.
(Đơn xin) nghỉ học	Được nhà trường cho phép tạm nghỉ học trong một khoảng thời gian cụ thể. (Đối với sinh viên nước ngoài, phải rời khỏi Hàn Quốc trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chấp thuận.)
(Đơn xin) quay lại sau khi nghỉ học	Quay lại trường học sau khi bị đình chỉ hoặc trong thời gian nghỉ học.
Cảnh báo học tập	Cảnh báo được đưa ra vào cuối mỗi học kỳ nếu Điểm trung bình (GPA) thấp hơn ngưỡng nhất định do mỗi trường quy định (ví dụ: 1,5-2,0 trên 4,5, tiêu chí thay đổi tùy theo trường và năm học); nhận được 3 cảnh cáo có thể bị đuổi học (có thể gấp bát lợi trong quá trình gia hạn thi thực).
Thay đổi chuyên ngành	Được nhà trường cho phép thay đổi ngành học chính.
Hai chuyên ngành/chuyên ngành phụ	Việc đăng ký các tín chỉ cho một chuyên ngành (hoặc khoa/chuyên khoa) khác và hoàn thành đồng thời với chuyên ngành đã chọn ban đầu tại thời điểm nhập học, được coi là đáp ứng các yêu cầu hoàn thành của cả chuyên ngành. Điều này thường được chỉ định đồng thời tại thời điểm trao bằng.
Khóa học dạy bằng tiếng Anh	Các khóa học có bài giảng, bài kiểm tra, v.v., được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh. ※ Bạn có thể tìm kiếm danh sách các trường đại học cung cấp các khóa học dạy bằng tiếng Anh do ETS cung cấp (www.ets.org). 
Trực xuất	Mất tư cách sinh viên tại trường đại học do nhiều hoàn cảnh khác nhau.
Tự nguyện bỏ học	Tự nguyện rời khỏi trường đại học dựa trên quyết định của chính sinh viên.

III. Giáo dục ngôn ngữ

Trong trường hợp cần phải thông thạo tiếng Hàn mới được tham gia chương trình học tập tại Hàn Quốc, các cá nhân có thể học tiếng Hàn thông qua các cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học hoặc các khóa học tiếng Hàn miễn phí.

1. Cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học

Các cơ sở này được sử dụng rộng rãi bởi các sinh viên muốn vào đại học ở Hàn Quốc, mang tới các cơ hội học tập có hệ thống về các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Hầu hết các chương trình thông thường kéo dài khoảng 10 tuần với trung bình 20 giờ mỗi tuần và học phí khoảng 1,2 đến 1,8 triệu KRW. Các lớp học được thiết kế riêng cho người học trưởng thành và một số khóa học cung cấp trải nghiệm văn hóa (bao gồm các chuyến tham quan địa phương gần đó và các hoạt động văn hóa truyền thống của Hàn Quốc) mỗi tháng một lần.

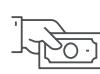
(1) Thủ tục tuyển sinh



Nộp hồ sơ



Đánh giá hồ sơ



Thanh toán học phí



Cấp thư nhập học

Nộp đơn xin thị thực
và gia hạn

(2) Ví dụ về các giấy tờ cần nộp

Mẫu đơn xin cấp công nhận thị thực, Hộ chiếu, Thư nhập học tiêu chuẩn, Bảng điểm cuối cùng và giấy chứng nhận tốt nghiệp, Giấy tờ chứng minh tài chính (tương đương 10 triệu KRW), Kế hoạch đào tạo

※ Các giấy tờ đã gửi đi sẽ không được trả lại và các giấy tờ bắt buộc có thể khác nhau tùy theo quốc gia và trường học; bạn nên kiểm tra trước trang web của trường tương ứng để biết các yêu cầu cụ thể.

(3) Ví dụ về chi tiết của các chương trình học thông thường:

Giới thiệu	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được đặc điểm chính tả, giá trị ngữ âm và cấu trúc âm tiết của bảng chữ Hangeul Khả năng hiểu và diễn đạt các từ cơ bản và câu đơn giản
Sơ cấp 1	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các từ cơ bản cần thiết cho cuộc sống hàng ngày và các cấu trúc câu cơ bản Học các đoạn hội thoại thực tế cần thiết cho cuộc sống cơ bản hàng ngày như chào hỏi, giới thiệu bản thân, mua sắm và gọi đồ ăn
Sơ cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> Nắm vững và sửa cách phát âm chính xác cũng như xác định thay đổi về âm thanh Tập luyện các cuộc trò chuyện cần thiết trong thực tế cho những hoạt động phức tạp hơn trong cuộc sống hàng ngày, như gọi điện thoại, đặt chỗ, sử dụng bưu điện và ngân hàng
Trung cấp 1	<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng cơ bản cần thiết để thực hiện các công việc hàng ngày, hiểu các hiện tượng xã hội nói chung và sử dụng các phương tiện công cộng Xây dựng khả năng diễn ngôn bằng các trợ từ, hậu tố liên kết, hậu tố đóng, vị ngữ phụ trợ tương đối phức tạp và các tài liệu xã hội quen thuộc, hiểu quảng cáo, phỏng vấn và dự báo thời tiết
Trung cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> Học tục ngữ, từ vựng thời sự cơ bản, từ vựng trừu tượng thường dùng và thuật ngữ hiện hành Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc thông qua việc nắm bắt các vấn đề thời sự cơ bản trên báo chí và truyền hình
Nâng cao 1	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu các thành ngữ, từ mượn, từ vựng trừu tượng liên quan đến các hiện tượng xã hội Nghiên cứu các tài liệu thời sự đa dạng về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm cả các tác phẩm văn học tương đối dẽ
Nâng cao 2	<ul style="list-style-type: none"> Học sâu về tiếng lóng, biệt ngữ, từ viết tắt và thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực chuyên môn Tìm hiểu nội dung trừu tượng không chỉ về chính trị, kinh tế, xã hội mà còn về triết học và tư tưởng
Chuyên sâu	Phát triển khả năng tham gia cả các khóa học nghệ thuật tự do và các khóa học chuyên ngành nhằm đạt được trình độ tiếng Hàn tương đương với người bản xứ trong quá trình chuẩn bị để vào đại học, cao học hoặc tìm việc làm

※ Đối với người nước ngoài vào Hàn Quốc để tham gia khóa học tiếng Hàn tại cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc trường đại học, họ cần phải có thị thực bắt buộc (thường là D-4) từ đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc. Việc cấp thị thực cần có thư nhập học của cơ sở đào tạo ngôn ngữ và các giấy tờ như thư bảo đảm danh tính hoặc bằng chứng tài chính. Các tiêu chí có thể khác nhau tùy vào quốc tịch nên bạn nên tham khảo kỹ lưỡng với đại sứ quán Hàn Quốc tại nước sở tại trước khi đăng ký với trường ngôn ngữ.

2. Các khóa học tiếng Hàn

(1) Học trực tuyến miễn phí

Một số tổ chức cung cấp giáo dục tiếng Hàn trực tuyến miễn phí bên cạnh các lớp học trực tiếp miễn phí.

* Trường Nuri-Sejong: <http://www.sejonghakdang.org>

* Quick Korean của The Cyber University of Korea (Đại học Trực tuyến Hàn Quốc): <http://korean.cuk.edu>

* EBS Durian: <http://www.ebs.co.kr/durian/kr/course>

(2) Các chương trình của chính quyền địa phương và tổ chức tư nhân

Các tổ chức hỗ trợ nước ngoài của chính quyền địa phương như Seoul Global Center (Trung tâm Toàn cầu Seoul) và các tổ chức tư nhân dành cho người lao động nước ngoài đều có các lớp học tiếng Hàn.

Tổ chức	Số điện thoại	Trang web
Seoul Global Center (Trung tâm Toàn cầu Seoul)	02-2075-4180	http://global.seoul.go.kr
Suwon Center for International Cooperation (Trung tâm Hợp tác Quốc tế Suwon)	031-248-9394	https://www.swcic.or.kr/
Ansan Foreign Residents Support Headquarters (Trụ sở Hỗ trợ Người nước ngoài Ansan)	1666-1234	https://global.ansan.go.kr
Daejeon Support Center for Foreign Residents (Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Daejeon)	042-223-0789	https://www.dic.or.kr
Jeonbuk International Cooperation Agency (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Jeonbuk)	063-280-6100	https://www.jbcia.or.kr/
Gwangju International Center (Trung tâm Quốc tế Gwangju)	062-226-2732	https://www.gic.or.kr/
Busan Global City Foundation (Quỹ Thành phố Toàn cầu Busan)	051-711-6878	http://www.bfic.kr
Ulsan Support Center for Foreign Residents (Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Ulsan)	1577-2818	https://www.ulsan.go.kr/global/index
Migrant Workers Welfare Society in Korea (Hiệp hội Phúc lợi Lao động Nhập cư tại Hàn Quốc)	02-858-4115	https://miwel.modoo.at/
Korea Support Center for Foreign Workers (Trung tâm Hỗ trợ Lao động Nước ngoài Hàn Quốc)	02-6900-8000	http://k.migrantok.org/

* Bạn có thể tìm kiếm các khóa học tiếng Hàn theo khu vực trên Cổng hỗ trợ gia đình đa văn hóa “Danuri” do Bộ Bình đẳng Giới và Gia đình cung cấp (có sẵn 13 ngôn ngữ – <https://www.liveinkorea.kr>).

3. Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)

Chính phủ Hàn Quốc yêu cầu sinh viên quốc tế học tập tại Hàn Quốc phải có trình độ tiếng Hàn nhất định để nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập của họ. Điều này là do sinh viên quốc tế thiếu trình độ tiếng Hàn cần thiết để học tập và phục vụ cuộc sống hàng ngày có thể gặp khó khăn khi học tập tại Hàn Quốc.

Để được nhận vào một trường đại học ở Hàn Quốc, cần phải nộp kết quả Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) do Viện Giáo dục Quốc tế tổ chức. TOPIK nhằm mục đích cung cấp định hướng học tiếng Hàn cho những người không phải là người bản xứ, đánh giá trình độ tiếng Hàn của họ và sử dụng kết quả để phục vụ mục đích du học, công việc và các mục đích khác.

Đối với những người muốn theo đuổi chương trình học thông thường tại đại học ở Hàn Quốc, thông thường phải đạt điểm TOPIK cấp 3 trở lên khi nhập học và cấp 4 trở lên để tốt nghiệp. Tuy nhiên, nếu khoa đại học bạn chọn cung cấp các khóa học bằng tiếng Anh thì không bắt buộc phải có điểm TOPIK. Thay vào đó, bạn có thể nhập học dựa trên bài kiểm tra trình độ tiếng Anh được công nhận như TOEFL và không cần thiết phải có điểm TOPIK từ cấp 4 trở lên để tốt nghiệp.

Hơn nữa, yêu cầu về trình độ tiếng Hàn để nhập học khác nhau đối với sinh viên trao đổi, học giả GKS, người nhận học bổng được chính phủ nước ngoài hỗ trợ, sinh viên vào Học viện đào tạo tiếng Hàn và những người học khoa giải trí và thể thao. Bạn nên hỏi về các yêu cầu cụ thể của từng trường đại học.

TOPIK được tổ chức 6 lần mỗi năm (tháng 1, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 10, tháng 11) và lịch thi chi tiết được công bố trên trang web TOPIK vào đầu năm. Điểm đánh giá cho kỳ thi được chia thành TOPIK I (Cấp 1-2) dành cho người mới bắt đầu và TOPIK II (Cấp 3-6) dành cho người học từ trung cấp đến nâng cao. Số điểm này được xác định dựa trên tổng số điểm đạt được trong kỳ thi. Thông tin chi tiết hơn về kỳ thi có sẵn trên trang web TOPIK.

IV. Chi phí du học

1. Học phí cho các chương trình học thuật

Để chuẩn bị cho một trải nghiệm du học thành công, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập cần cân nhắc về chi phí du học khi lựa chọn trường đại học và chương trình học thuật. Các trường đại học quốc gia nhận được hỗ trợ tài chính từ chính phủ Hàn Quốc thường có học phí thấp hơn so với các trường đại học tư. Vì học phí thay đổi tùy theo trường đại học nên sinh viên quốc tế có mong muốn học tập phải kiểm tra trước học phí của trường đại học mong muốn.

Chương trình đào tạo	Chi phí (mỗi học kỳ, tính bằng KRW)
Bằng liên kết	₩3.000.000 đến ₩4.000.000
Bằng cử nhân	₩5.000.000 đến ₩7.000.000
Bằng thạc sĩ	₩6.000.000 đến ₩8.000.000
Bằng tiến sĩ	₩7.000.000 đến ₩9.000.000

※ Chi phí chính xác có thể được xác nhận trên trang web của từng trường đại học hoặc trang web Higher Education in Korea (<http://www.academyinfo.go.kr>).

2. Các chi phí khác

Để đảm bảo trải nghiệm du học thành công, sinh viên quốc tế có mong muốn học tập nên cân nhắc các chi phí bổ sung liên quan đến cuộc sống du học của mình, ngoài học phí. Chúng bao gồm phí cho các chương trình tiếng Hàn, sách giáo khoa, chỗ ở ký túc xá và chi phí sinh hoạt. Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên quốc tế tại Hàn Quốc là khoảng 750.000 đến 1.000.000 KRW. Danh sách các chi phí cần xem xét bên cạnh học phí:

Loại	Chi phí ước tính (mỗi tháng, tính bằng KRW)
Nhà ở	₩500.000 đến ₩700.000 ※ Phí ký túc xá thay đổi tùy theo sức chứa và có bao gồm bữa ăn hay không.
Ăn uống	₩200.000 đến ₩300.000 ※ Chi phí một bữa ăn tại căng tin sinh viên đại học: ₩5.000 đến ₩15.000
Đi lại	₩50.000 đến ₩100.000
Chi phí khác	₩100.000 đến ₩200.000 ※ Chi phí liên lạc (ví dụ: điện thoại di động, phí sử dụng internet), bảo hiểm y tế, v.v.

3. Học bổng

Học bổng của riêng trường đại học

Nhiều trường đại học ở Hàn Quốc có nhiều chương trình học bổng khác nhau dành cho sinh viên quốc tế. Hầu hết các trường đại học đều cấp học bổng cho sinh viên quốc tế từ 30% đến 100%, tùy thuộc vào kết quả học tập. Thông tin chi tiết về học bổng riêng của từng trường đại học có sẵn trên trang web của mỗi trường đại học hoặc thông qua trang web Study in Korea (<http://www.studyinkorea.go.kr>).

Học bổng Chính phủ Hàn Quốc

Nhiều cơ quan chính phủ khác nhau ở Hàn Quốc, bao gồm Bộ Giáo dục, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Ngoại giao, quản lý các chương trình học bổng cho sinh viên quốc tế; số lượng người nhận được học bổng ngày càng gia tăng.

(1) Bộ Giáo dục: National Institute for International Education (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia - <http://www.niied.go.kr>)

- Học bổng Hàn Quốc toàn cầu

Chương trình được hỗ trợ	Trường đại học	Trường cao học
Điều kiện	Các quốc gia có mối quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc trên toàn thế giới (số lượng quốc gia có thể thay đổi)	
Các ngành được hỗ trợ	Tất cả các ngành	
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Đào tạo tiếng Hàn (1 năm), chương trình liên kết (2-3 năm), chương trình cử nhân (4-6 năm)	Đào tạo tiếng Hàn (1 năm), chương trình thạc sĩ (2 năm), chương trình tiến sĩ (3 năm)
Chi tiết hỗ trợ	Vé máy bay, học phí, chi phí sinh hoạt, bảo hiểm y tế, hỗ trợ chỗ ở, tiền quay trở về nước	
Số lượng người nhận học bổng	300 người trở lên	1.200 người trở lên
Thời gian nộp hồ sơ	Hàng năm vào tháng 9	Hàng năm vào tháng 2

- Chương trình không cấp bằng GKS dành cho sinh viên trao đổi nước ngoài

Điều kiện	Sinh viên nước ngoài (có thành tích học tập cao)
Các ngành được hỗ trợ	Tất cả các ngành
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Chương trình cử nhân (4 hoặc 10 tháng) và chương trình thạc sĩ (4 tháng)
Chi tiết hỗ trợ	Trợ cấp khuyến khích học tập, tiền chở ở ban đầu, vé máy bay khứ hồi
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Hồi tại Văn phòng Trao đổi Quốc tế của mỗi trường đại học. ※ Dành cho sinh viên đại học (trước và sau học kỳ) và thạc sĩ (sau học kỳ).

(2) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Korea National University of National Arts (Đại học Nghệ thuật Quốc gia Hàn Quốc – <http://www.karts.ac.kr>)

- Sinh viên nhận học bổng Art Major Asian Plus (AMA+) là những tài năng nghệ thuật xuất sắc ở nước ngoài

Điều kiện	Người nộp đơn và cả cha mẹ phải có quốc tịch từ một quốc gia nhận OECD DAC.
Các ngành được hỗ trợ	Nghệ thuật (Âm nhạc, Sân khấu, Điện ảnh, Múa, Mỹ thuật, Nghệ thuật truyền thống)
Chương trình và thời gian hỗ trợ	Đại học và Thạc sĩ
Chi tiết hỗ trợ	Vé máy bay, chi phí sinh hoạt, đào tạo tiếng Hàn, học phí, hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ tốt nghiệp, học bổng tiếng Hàn xuất sắc, bảo hiểm y tế
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tháng 2

(3) Bộ Ngoại giao: Korea Foundation (Quỹ Hàn Quốc – <http://www.kf.or.kr>)

- Học bổng KF dành cho nghiên cứu sau tiến sĩ

Điều kiện và các ngành	Các học giả trẻ ở nước ngoài có bằng tiến sĩ về khoa học xã hội/nhân văn, văn hóa/nghệ thuật, tập trung vào các chủ đề liên quan đến Hàn Quốc.
Thời gian hỗ trợ	Một năm (bắt đầu vào học kỳ mùa xuân hoặc mùa thu sau khi lựa chọn)
Chi tiết hỗ trợ	Chi phí nghiên cứu cho học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ ※ Số tiền hỗ trợ sẽ được quyết định sau khi cân nhắc kỹ lưỡng số tiền nộp hồ sơ và hoàn cảnh tại địa phương.
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tiêu chuẩn tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo khu vực.

- Học bổng KF dành cho nghiên cứu sau đại học

Điều kiện và các ngành	Sinh viên là thạc sĩ/tiến sĩ ở nước ngoài thực hiện nghiên cứu về các chủ đề liên quan đến Hàn Quốc trong các lĩnh vực khoa học xã hội/nhân văn, văn hóa/nghệ thuật.
Thời gian hỗ trợ	Một năm (bắt đầu vào học kỳ mùa xuân hoặc mùa thu sau khi lựa chọn)
Chi tiết hỗ trợ	Học bổng hỗ trợ nghiên cứu liên quan đến Hàn Quốc ※ Số tiền học bổng thay đổi tùy theo quốc gia.
Số lượng người nhận học bổng	-
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tiêu chuẩn tuyển sinh có thể khác nhau tùy theo khu vực.

- Học bổng đào tạo tiếng Hàn KF (KLT)

Điều kiện và các ngành	Người học chuyên ngành Hàn Quốc về nhân văn/khoa học xã hội hoặc văn hóa/nghệ thuật và có hiểu biết cơ bản và thành thạo tiếng Hàn (nghiên cứu sinh thạc sĩ/tiến sĩ hoặc sinh viên đại học đáp ứng đủ điều kiện nộp hồ sơ).
Thời gian hỗ trợ	6 tháng
Chi tiết hỗ trợ	Học phí và lệ phí, chi phí sinh hoạt, hỗ trợ khi đến nơi, bảo hiểm y tế * (không bao gồm vé máy bay)
Số lượng người nhận học bổng	Khoảng 40 người mỗi năm
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tháng 7

- Học bổng KF dành cho nghiên cứu thực địa

Điều kiện và các ngành	Các nhà nghiên cứu có liên quan đến Hàn Quốc trong các lĩnh vực nhân văn, khoa học xã hội, văn hóa và nghệ thuật đang làm việc ở nước ngoài hoặc người nộp đơn đăng ký các đề tài nghiên cứu được công nhận có quan hệ hợp tác nghiên cứu chặt chẽ và quan trọng với Hàn Quốc thuộc nhóm A hoặc B: - Nhóm A: Các nghiên cứu sinh tiến sĩ đang chuẩn bị luận án sau khi hoàn thành khóa học. - Nhóm B: Giáo sư đại học (giảng viên chính thức trở lên), nghiên cứu sinh/nhân viên chuyên môn có trình độ tiến sĩ
Chi tiết hỗ trợ	- Nhóm A: 2,3 triệu KRW mỗi tháng - Nhóm B: 3 triệu KRW mỗi tháng Bảo hiểm du lịch, hỗ trợ khi đến nơi (một lần/thay đổi tùy theo chương trình), vé máy bay khứ hồi (khoảng cách ngắn nhất, hạng phổ thông) *Chi tiết hỗ trợ cụ thể theo quốc gia có sẵn trên trang web.
Số lượng người nhận học bổng	Khoảng 30 người mỗi năm
Thông báo hướng dẫn tuyển sinh	Tháng 7

Học bổng khác

Tên tổ chức	Tên học bổng	Trang web
Gasan Cultural Foundation (Quỹ Văn hóa Gasan)	Gasan Global Scholarship (Học bổng Toàn cầu Gasan)	http://www.gasanfund.org
Daewoong Foundation (Quỹ Daewoong)	Học bổng toàn cầu	http://daewoongfoundation.or.kr
Rotary Club	Học bổng dành cho sinh viên quốc tế	http://www.rotarykorea.org
Samsung Dream Scholarship Foundation (Quỹ Học bổng Giấc mơ Samsung)	Global Hope Scholarship (Học bổng Hy vọng Toàn cầu)	http://www.sdream.or.kr
Pencil Scholarship Foundation (Quỹ Học bổng Pencil)	Pencil Scholarship Foundation Student (Sinh viên Quỹ Học bổng Pencil)	http://www.pensaf.or.kr
Woo Jung Education & Culture Foundation (Quỹ Giáo dục & Văn hóa Woo Jung)	Chương trình học bổng	http://www.woojungedu.co.kr/edu
Lee&Won Foundation (Quỹ Lee&Won)	Asian Fellowship (Học bổng châu Á)	http://www.leewonfoundation.org
POSCO TJ Park Foundation (Quỹ POSCO TJ Park)	POSCO Asia Fellowship (Học bổng POSCO Châu Á)	https://www.postf.org
Hansae Yes24 Foundation (Quỹ Hansae Yes24)	Học bổng sinh viên nước ngoài	http://www.hansaeyes24foundation.com
Hyundai Motor Chung Mong-Koo Foundation (Quỹ Hyundai Motor Chung Mong-Koo)	Hyundai Motor Chung Mong-Koo Scholarship (Học bổng Hyundai Motor Chung Mong-Koo)	http://www.hyundai-cmkfoundation.org

4. Việc làm bán thời gian

(1) Việc làm bán thời gian cho sinh viên quốc tế (Việc làm bán thời gian)

Nguyên tắc cơ bản: Thường giới hạn ở các hoạt động việc làm bán thời gian do sinh viên thực hiện (lao động đơn giản, v.v.).

※ Nếu tham gia vào các hoạt động việc làm theo Nghị định thực thi Đạo luật nhập cư [đính kèm Bảng 1-2], các hướng dẫn riêng cho từng điều kiện sẽ được áp dụng (ví dụ: Sinh viên nhận học bổng tình nguyện tiếng Anh của Tổng thống, Giảng viên đàm thoại, Biên dịch/Phiên dịch chuyên nghiệp, v.v.).

※ Các hoạt động dạy thêm bị hạn chế nghiêm ngặt, có tính đến tính đặc thù của hoạt động, chẳng hạn như địa điểm và mục tiêu.

Thủ tục cấp phép



Chuẩn bị hợp đồng lao động
hợp đồng lao động giữa các bên tham gia (Hợp đồng lao động tiêu chuẩn, ghi rõ mức lương theo giờ).

Chuẩn bị xác nhận việc làm bán thời gian
định dạng đính kèm, được hoàn thành bởi nhân viên phụ trách sinh viên quốc tế của trường đại học

Đơn đăng ký
Hồ sơ đính kèm, nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp

Phê duyệt/Không phê duyệt
Đính kèm nhãn Giấy phép hoặc in Giấy phép trực tuyến.

(2) Điều kiện

Trong số những người sau đây, các cá nhân đã được nhân viên phụ trách sinh viên quốc tế của trường xác nhận và có trình độ tiếng Hàn nhất định:

- Những người có tư cách lưu trú cụ thể (D-2-1 đến D-2-4, D-2-6 và D-2-7) trong số các Sinh viên có tư cách lưu trú.
- Đối với tình trạng Đào tạo ngôn ngữ (D-4-1, D-4-7) và Nghiên cứu ngắn hạn (D-2-8), các cá nhân đã trải qua sáu tháng kể từ ngày thay đổi tình trạng (đối với người có thị thực, ngày nhập cảnh).

Các cá nhân không đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp do không đủ tín chỉ sau khi hoàn thành chương trình du học (2 năm đối với chương trình liên kết, 4 năm đối với chương trình cử nhân) và đã được cấp phép ở lại đặc biệt sẽ không đủ điều kiện.

Tuy nhiên, các cá nhân đang trong giai đoạn chuẩn bị luận án sau khi hoàn thành chương trình thông thường, trong số những người đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ, cũng có thể đủ điều kiện. Tuy nhiên, trong trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc chậm tốt nghiệp do kết quả học tập không đạt yêu cầu như không đủ tín chỉ hoặc đi học ít, họ sẽ bị loại trừ.

☞ Thời gian nêu trên được giới hạn ở mức 30 giờ mỗi tuần, không bao gồm các quy định về thời gian không giới hạn vào các ngày lễ, ngày nghỉ và thời gian nghỉ phép.

(3) Giới hạn cho phép

Thời gian được phép cho mỗi chương trình học thuật và năng lực tiếng Hàn (Có hiệu lực từ tháng 7 năm 2023)

Chương trình	Năm học	Tiêu chí năng lực tiếng Hàn ① TOPIK, ② Chương trình Hòa nhập Xã hội, ③ Trường Sejong	Ngày bắt đầu	Thời gian được phép		Thành tích xuất sắc tại các trường đại học được chứng nhận, trình độ tiếng Hàn xuất sắc (các ngày trong tuần)
				Các ngày trong tuần	Cuối tuần và kỳ nghỉ	
Đào tạo ngôn ngữ	-	① Cấp 2 ② Hoàn thành Cấp độ 2 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 41 điểm trở lên ③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 1 trở lên	X Được phép sau 6 tháng	10 giờ	10 giờ	
			O	20 giờ	25 giờ	
Bằng liên kết	-	① Cấp 3 ② Hoàn thành Cấp độ 3 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 61 điểm trở lên ③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 1 trở lên	X Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ	
			O	25 giờ	Không giới hạn	30 giờ
Bằng cử nhân	Năm thứ 1 đến năm thứ 2	① Cấp 4 ② Hoàn thành Cấp độ 4 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 81 điểm trở lên ③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 1 trở lên	X Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ	
	Năm thứ 3 đến năm thứ 4		O	25 giờ	Không giới hạn	30 giờ
Bằng Thạc sĩ/Tiến sĩ	-	① Cấp 4 ② Hoàn thành Cấp độ 4 trở lên hoặc Điểm đánh giá sơ bộ từ 81 điểm trở lên ③ Hoàn thành trình độ Trung cấp 2 trở lên	X Được phép ngay lập tức	10 giờ	10 giờ	
			O	25 giờ	Không giới hạn	30 giờ
			X Được phép ngay lập tức	15 giờ	15 giờ	
			O	30 giờ	Không giới hạn	35 giờ

* Chương trình theo dõi tiếng Anh: Bất kể năm học nào, người nộp đơn có điểm TOEFL 530 điểm (CBT 197, iBT 71), IELTS 5,5, CEFR B2, điểm TEPS từ 601 điểm (NEW TEPS 327) trở lên đều đủ điều kiện. Người nộp đơn từ các quốc gia nói tiếng Anh được miễn nộp chứng chỉ năng lực tiếng Anh.

(4) Hồ sơ đăng ký

- Hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài, đơn đăng ký
- Xác minh việc làm bán thời gian cho sinh viên quốc tế, bằng điểm học tập hoặc giấy chứng nhận tham dự (có thể được miễn nộp nếu được xác nhận qua FIMS), giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Hàn (đối với cá nhân áp dụng)
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng lao động tiêu chuẩn
- Xác nhận tuân thủ các yêu cầu về việc làm bán thời gian đối với sinh viên quốc tế (đối với cá nhân áp dụng)

(5) Miễn trừ đặc biệt đối với giấy phép làm việc bán thời gian (Không bao gồm yêu cầu về giấy phép)

- Trong phạm vi không vi phạm các khía cạnh thiết yếu của tư cách du học, các hoạt động liên quan đến trợ cấp tạm thời, khen thưởng và các khoản thù lao khác liên quan đến cuộc sống hàng ngày được miễn yêu cầu giấy phép riêng.

(6) Tiêu chuẩn xử lý vi phạm đối với người làm việc không có giấy phép

- Trong lĩnh vực xây dựng, bất kể số lần vi phạm, cá nhân bị bắt lần đầu sẽ bị trục xuất ngay lập tức không có ngoại lệ và bị tạm hoãn nhập cảnh.

Thị thực du học được Chính phủ Hàn Quốc mời (D-2-7)

Sinh viên tốt nghiệp với tư cách “Sinh viên được Chính phủ Hàn Quốc mời (D-2-7)” trong số các Học giả GKS được miễn đăng ký tỷ lệ việc làm quốc gia và hạn chế quy mô công ty đối với các vị trí chuyên môn/bán chuyên môn/kỹ thuật tổng hợp khi chuyển sang trạng thái Hoạt động được chỉ định (E7). Họ được phép xin việc rộng rãi vào các ngành nghề tương tự.

※ Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>) hoặc trang web Cổng thông tin thị thực Hàn Quốc (<https://www.visa.go.kr>).



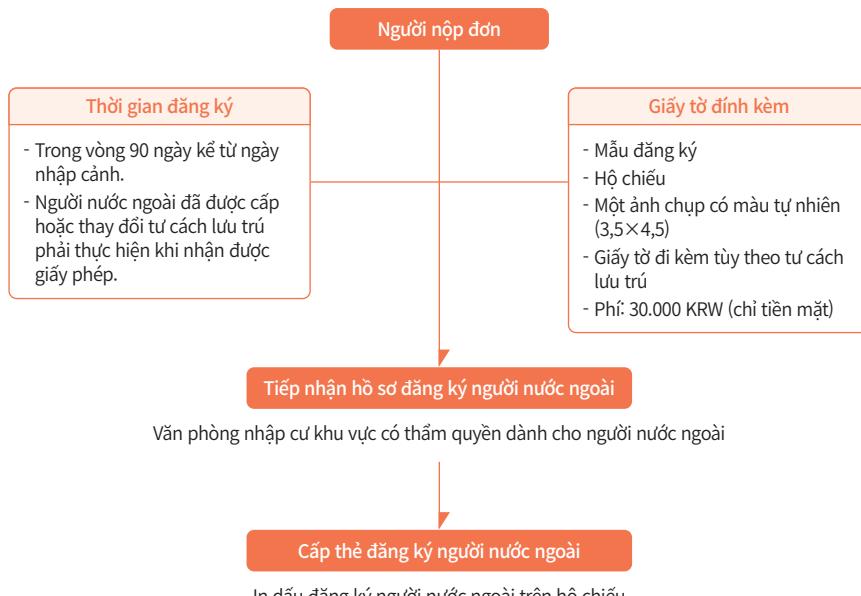
V. Kiểm soát nhập cư

1. Giấy đăng ký người nước ngoài

(1) Phụ thuộc vào Giấy đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài có ý định lưu trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.
- Người nước ngoài mất quốc tịch Hàn Quốc và có quốc tịch nước ngoài hoặc người nước ngoài sinh ra tại Hàn Quốc đã được cấp tư cách lưu trú và có ý định lưu trú trên 90 ngày kể từ ngày đó
- Miễn đăng ký người nước ngoài: Những người nước ngoài sau đây được miễn đăng ký người nước ngoài:
 - Ngoại giao, công vụ, hiệp định (A-1, A-2, A-3).
 - Người nước ngoài làm công việc quan trọng liên quan đến ngoại giao, công nghiệp, quốc phòng cùng với gia đình của họ và những người nước ngoài khác được Bộ trưởng Tư pháp công nhận thuộc diện miễn trừ đặc biệt khi đăng ký người nước ngoài.
 - Công dân Canada có ý định nhập cảnh Hàn Quốc không cần thị thực và lưu trú dưới 6 tháng.

Sơ đồ đăng ký người nước ngoài



(2) Thời gian đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài có ý định lưu trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày → Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh.
- Người nước ngoài đã được cấp hoặc thay đổi tư cách lưu trú → (Ngay lập tức) khi nhận được giấy phép

ví dụ

Công dân Canada có thị thực B-2 (Du lịch/Quá cảnh) nộp đơn xin thay đổi tư cách lưu trú sau thời gian lưu trú 5 tháng phải đăng ký làm người nước ngoài ngay khi nộp đơn xin phép thay đổi tư cách lưu trú.

(3) Các giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 ảnh (ảnh 3×4 chụp trong vòng 6 tháng gần nhất), giấy chứng nhận nhập học (hoặc nghiên cứu sinh) cấp sau ngày nhập học, lệ phí.
- Giấy chứng nhận sàng lọc bệnh lao (đối với cá nhân áp dụng)
 - Chỉ áp dụng đối với những người đã được cấp thị thực trước ngày 01/07/2016 và được miễn nộp giấy khám sàng lọc bệnh lao cho cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài theo quy định hoặc áp dụng hướng dẫn du học hiện hành.
- Giấy tờ chứng minh cư trú tại Hàn Quốc

2. Báo cáo thay đổi thông tin đăng ký người nước ngoài

(1) Những thay đổi có thể báo cáo: Khi bất kỳ mục nào sau đây có thay đổi:

- Tên, giới tính, ngày sinh và quốc tịch
- Số hộ chiếu, ngày cấp và ngày hết hạn
- Thay đổi trường học (bao gồm cả thay đổi tên)

(2) Thời hạn báo cáo: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thay đổi

(3) Địa điểm báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền (văn phòng/chi nhánh) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến

(4) Các giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài
- (**Trong trường hợp thay đổi thông tin cá nhân như tên**) Giấy tờ chứng minh đó là thay đổi thật (đối với cá nhân áp dụng)
- (**Trong trường hợp thay đổi trường học**) Giấy xác nhận nhập học của trường mới chuyển sang và giấy chứng nhận thôi học của trường cũ (đối với cá nhân liên quan), các giấy tờ chứng minh sự cần thiết hoặc tất yếu của việc chuyển trường (đối với cá nhân áp dụng)
- (**Trong trường hợp thay đổi tên trường**) Các giấy tờ xác nhận việc thay đổi tên trường như giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất (đối với cá nhân áp dụng)

3. Thủ tục xin cấp và lấy thị thực

Sinh viên quốc tế có mong muốn học tập sau khi nhận được thư nhập học cần chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để nhập cảnh vào Hàn Quốc và xin thị thực Sinh viên thông qua đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc ở nước sở tại. Loại thị thực bắt buộc khác nhau tùy thuộc vào chương trình học tại trường đại học Hàn Quốc, chẳng hạn như chương trình học thuật thông thường, chương trình ngôn ngữ hoặc đào tạo văn hóa Hàn Quốc. Sinh viên quốc tế đăng ký các chương trình cấp bằng chính quy phải xin thị thực D-2, trong khi sinh viên đăng ký các chương trình phi học thuật (đào tạo tiếng Hàn, đào tạo ngoại ngữ) phải xin thị thực D-4. Để đẩy nhanh quá trình cấp thị thực, chính phủ Hàn Quốc thường yêu cầu tất cả người nộp đơn nước ngoài trước tiên phải có "Giấy chứng nhận cấp thị thực" trước khi nộp đơn xin thị thực, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt.

Visa sinh viên (D-2) • • •

► Phạm vi hoạt động và điều kiện

(Cơ sở giáo dục) Là một cơ sở giáo dục (cao đẳng cơ sở trở lên) hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật được thành lập theo Đạo luật giáo dục đại học và luật đặc biệt, một trường đại học hoặc cơ sở ngôn ngữ trực thuộc đáp ứng các yêu cầu do Bộ trưởng Tư pháp đặt ra.

- (Loại trừ) Những trường hợp sau đây bị loại trừ khỏi các cơ sở giáo dục đủ điều kiện đối với tư cách lưu trú Sinh viên:
 - i) Cao đẳng hàng không, cao đẳng từ xa, đại học mở và đại học trực tuyến (đại học từ xa) theo Điều 2, Khoản 5 của "Đạo luật giáo dục đại học"
 - ii) Cơ sở giáo dục trọn đời theo Điều 2, Khoản 2 của "Đạo luật giáo dục đại học"
 - iii) Chương trình đào tạo nghề của các trường cao đẳng kỹ thuật theo Điều 2, Đoạn 5 của "Đạo luật phát triển kỹ năng nghề trong đời sống quốc gia"
 - iv) Trường đại học và cao học ban đêm, ngoại trừ một số chương trình học ban đêm cho phép tư cách lưu trú Sinh viên*.

* Chương trình học thuật là khóa học ban đêm dành cho chuyên ngành chuyên sâu ở các trường cao học và cao đẳng cơ sở ban đêm không có chương trình ban ngày và đã được đánh giá trước bởi văn phòng nhập cư có thẩm quyền đối với các chương trình học tập ban đêm.

(Sinh viên quốc tế) Người nước ngoài có ý định học các chương trình thông thường hoặc thực hiện nghiên cứu cụ thể tại các cơ sở giáo dục nêu trên theo tư cách Sinh viên (D-2) và Đào tạo ngôn ngữ (D-4-1, D-4-7).

► Thời gian lưu trú tối đa cho mỗi lần cấp phép: 2 năm

► Địa điểm nộp hồ sơ

Cấp thị thực (cơ quan ngoại giao ở nước ngoài): Chủ yếu nộp đơn tại cơ quan đại diện ngoại giao thuộc thẩm quyền của quốc gia cư trú hoặc địa điểm học cuối cùng của người nộp đơn.

► Các giấy tờ cần nộp

※ Ghi chú: Nếu nộp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài cấp ở nước ngoài tại Hàn Quốc thì phải được cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài (hoặc thuộc hệ thống apostille) dịch và chứng thực trước khi nộp.

Giấy tờ chung

- ① Đơn xin cấp (công nhận) thị thực, bản sao hộ chiếu, một ảnh (ảnh 3×4 chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

- ② Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở giáo dục (hoặc giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất)
- ③ Thư nhập học tiêu chuẩn (do hiệu trưởng hoặc trưởng khoa trường đại học cấp)
- ☞ Tuy nhiên, đối với sinh viên được National Institute for International Education (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia) và sinh viên được Chính phủ mời bởi Bộ Quốc phòng thì có thể thay thế bằng thư mời của người đứng đầu Viện hoặc Bộ trưởng Quốc phòng.
- ④ Giấy chứng nhận chẩn đoán bệnh lao (đối với cá nhân áp dụng)
- ⑤ Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình (chỉ khi nộp báo cáo tài chính của cha mẹ)
- ⑥ Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất
- **Các giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất chủ yếu phải nộp bản gốc.** Tuy nhiên, báo cáo xác minh bằng cấp chỉ được chấp nhận dưới dạng bản sao nếu có đóng dấu của nhân viên trường đại học đảm bảo rằng chúng giống với bản gốc. Ngoài ra, các giấy tờ chứng minh trình độ học vấn do cá nhân trực tiếp xin và cấp chỉ được chấp nhận trong thời hạn hiệu lực.
 - **Các nước chung**
 - Gửi giấy chứng nhận trình độ học vấn theo quy định trong bảng dưới đây, được xác nhận bởi ① hệ thống xác minh Apostille hoặc ② xác minh từ lãnh sự quán (tại cơ quan đại diện ngoại giao ở Hàn Quốc hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc ở quốc gia nơi trường bạn tọa lạc)

Loại	Các giấy tờ cần nộp
Chương trình Thực tập sinh tiếng Hàn (D-4-1)	Bằng tốt nghiệp THPT trở lên
Tuyển sinh năm nhất (D-2-1 đến D-2-4)	Bằng liên kết Bằng cử nhân Bằng thạc sĩ Bằng tiến sĩ Bằng liên kết
Tuyển sinh chuyển tiếp (D-2-1 đến D-2-4)	Bằng cử nhân Bằng thạc sĩ Bằng tiến sĩ Bằng liên kết
Chương trình đào tạo	① Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT + giấy chứng nhận nhập học cử nhân hoặc ② Giấy chứng nhận tốt nghiệp Cử nhân (Liên kết)
Sinh viên trao đổi (D-2-6)	Giấy chứng nhận tốt nghiệp cử nhân + giấy chứng nhận nhập học (tốt nghiệp) thạc sĩ Bằng tiến sĩ Bằng liên kết
Nghiên cứu ngắn hạn (D-2-8)	Giấy chứng nhận tốt nghiệp thạc sĩ + giấy chứng nhận nhập học chương trình liên kết ở nước ngoài Bằng cử nhân Bằng thạc sĩ Bằng tiến sĩ Bằng liên kết
Nghiên cứu sinh (D-2-5)	- Giấy chứng nhận thạc sĩ trở lên

⑦ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính

- Số tiền tương đương với học phí và chi phí sinh hoạt trong một năm
- Đối với Việt Nam, có giấy xác nhận cân đối chi phí du học riêng do ngân hàng cấp theo phương thức ký quỹ dự phòng.

Các giấy tờ bổ sung cần nộp cho mỗi chương trình

Nghiên cứu sinh (D-2-5)	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất (chủ yếu đối với người có bằng thạc sĩ trở lên) ※ Mặc dù người nộp đơn về cơ bản phải có bằng thạc sĩ trở lên, nhưng đối với các trường đại học được chỉ định là Viện nghiên cứu cụ thể theo Điều 3 của Nghị định thực thi Đạo luật hỗ trợ viện nghiên cứu cụ thể, việc công nhận là Nghiên cứu sinh (D-2-5) được cho phép ngay cả khi người nộp đơn ghi danh vào chương trình đại học của nước sở tại. - Giấy chứng minh danh tính hoặc giấy tờ chứng minh năng lực tài chính (giấy chứng nhận số dư, xác nhận đã thanh toán chi phí nghiên cứu, v.v.) - Giấy tờ chứng minh đã ghi danh một chương trình nghiên cứu cụ thể (thư xác nhận của hiệu trưởng trường đại học đối với sinh viên nghiên cứu, v.v.)
Sinh viên trao đổi (D-2-6)	<ul style="list-style-type: none"> - Thư giới thiệu do hiệu trưởng trường đại học (ở nước sở tại) cấp - Giấy tờ chứng minh tư cách sinh viên trao đổi (thư chính thức của trường mời trao đổi, thỏa thuận trao đổi sinh viên giữa các trường đại học, v.v.) - Giấy tờ chứng minh bạn đã nhập học nhiều hơn một học kỳ tại một trường đại học chính quy ở nước ngoài (giấy chứng nhận nhập học của trường đại học ở nước sở tại, v.v.)

※ Nếu cần để đánh giá mục đích nhập cảnh, tính xác thực của lời mời cũng như tư cách của người mời và người được mời, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có thể miễn trừ một phần hoặc bổ sung các giấy tờ cần thiết.

Thực tập sinh phổ thông (D-4) ————— • • •

➤ Phạm vi hoạt động và điều kiện

Hoạt động được giáo dục/dàø tạo hoặc tiến hành nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức, v.v., không phải là cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật đủ điều kiện là Sinh viên (D-2)

- Cá nhân đang được đào tạo tiếng Hàn tại các cơ sở ngoại ngữ trực thuộc trường đại học
- Cá nhân được đào tạo tại các cơ sở giáo dục không phải là cơ sở hoặc cơ sở nghiên cứu học thuật đủ điều kiện dành cho Sinh viên (D-2)
- Cá nhân được đào tạo về kỹ thuật hoặc chức năng tại các cơ sở nghiên cứu hoặc trung tâm đào tạo công lập hoặc quốc gia.
- Cá nhân được giáo dục/dàø tạo hoặc tiến hành nghiên cứu với tư cách là thực tập sinh (nhân viên thực tập) tại các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoặc công ty đầu tư ra nước ngoài.

➤ Thời gian lưu trú tối đa cho mỗi lần cấp phép: 2 năm

➤ Địa điểm nộp hồ sơ

Chủ yếu nộp hồ sơ tại cơ quan đại diện ngoại giao Hàn Quốc trong thẩm quyền của quốc gia cư trú hoặc địa điểm trường học cuối cùng của người nộp đơn.

➤ Các giấy tờ cần nộp

※ Cuốn sách này chỉ giới thiệu về Đào tạo ngôn ngữ (Thực tập sinh tiếng Hàn: D-4-1).

- ① Đơn xin cấp thị thực (mẫu đính kèm số 17), hộ chiếu, một ảnh chụp cỡ chuẩn, lệ phí
- ② Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở giáo dục (hoặc giấy chứng nhận số nhận dạng duy nhất)

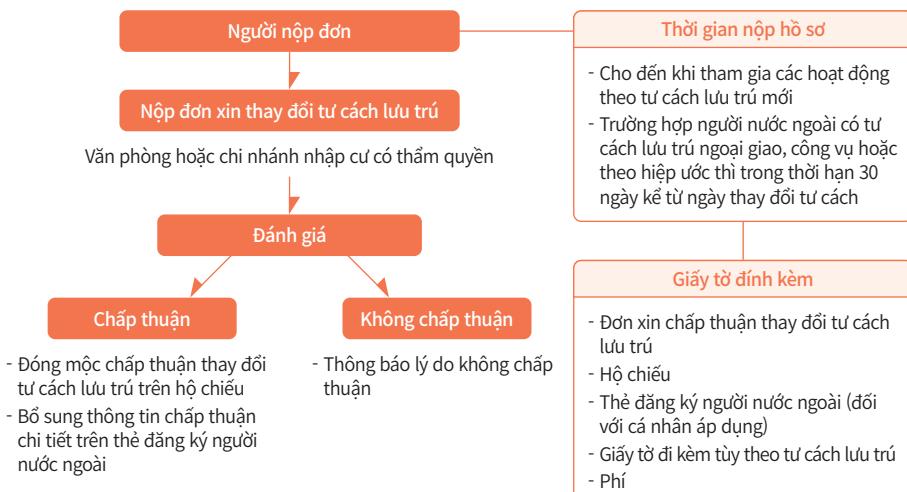
- ③ Thư nhập học tiêu chuẩn (do hiệu trưởng hoặc trưởng khoa trường đại học cấp)
- ④ Giấy chứng nhận nhập học hoặc giấy tờ chứng minh trình độ học vấn cao nhất
- Về cơ bản, hồ sơ bản gốc phải được nộp và nếu cần thiết, có thể đính kèm bản sao có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo bản sao giống với bản gốc.
- ⑤ Giấy tờ chứng minh tài chính* (tương đương 10 triệu KRW)
- * Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính (ví dụ: giấy chứng nhận số dư, sổ ngân hàng, giấy chứng nhận học bổng, hồ sơ giao dịch, v.v.)
 - Về cơ bản phải nộp bản gốc và nếu cần, có thể đính kèm bản sao có đóng dấu của cơ quan chính thống để đảm bảo bản sao giống với bản gốc (chứng nhận số dư chỉ được công nhận là có giá trị nếu được cấp trong vòng 30 ngày).
 - Nếu nộp giấy chứng nhận số dư của cha mẹ thì phải nộp thêm giấy chứng nhận quan hệ gia đình.
- Về cơ bản cần phải có bằng chứng về khả năng tài chính (học phí + chi phí sinh hoạt) trong 1 năm (6 tháng đào tạo ngôn ngữ).
- ⑥ Kế hoạch đào tạo (bao gồm lịch giảng dạy, bố trí giảng viên, cơ sở vật chất đào tạo, v.v.)
- Nếu cần để đánh giá mục đích nhập cảnh, tính xác thực của lời mời cũng như tư cách của người mời và người được mời, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có thể miễn trừ một phần hoặc bổ sung các giấy tờ cần thiết.
 - Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>) hoặc trang web Cổng thông tin thi thực Hàn Quốc (<https://www.visa.go.kr>).
 - Điện thoại liên hệ: (Trong nước) Quay số 1345 không có mã vùng, (Quốc tế) +82-1345 / +82-2-6908-1345
 - Nguồn: Trụ sở Chính sách Nhập cư và Người nước ngoài

Thay đổi tư cách lưu trú

Thay đổi tư cách lưu trú là gì?

Điều này đề cập đến tình huống người nước ngoài hiện đang ở Hàn Quốc muốn ngừng các hoạt động theo tư cách lưu trú hiện tại của họ và tham gia vào các hoạt động thuộc tư cách lưu trú khác.

Sơ đồ phê duyệt thay đổi tư cách lưu trú

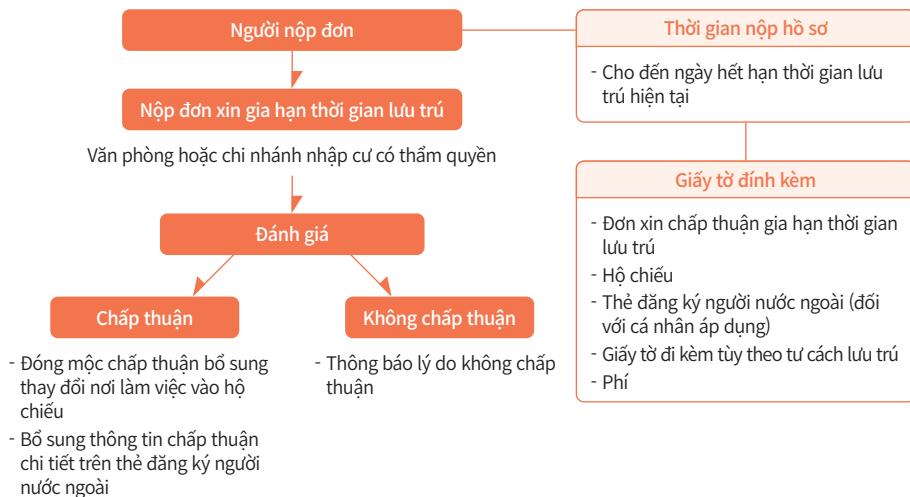


Gia hạn thời gian lưu trú

Gia hạn thời gian lưu trú là gì?

Người nước ngoài muốn tiếp tục lưu trú tại Hàn Quốc sau thời gian được phê duyệt ban đầu phải được chấp thuận gia hạn thời gian lưu trú.

Sơ đồ phê duyệt gia hạn thời gian lưu trú



※ Điều cần thiết là phải kiểm tra các giấy tờ cụ thể cần phải nộp cho từng tư cách lưu trú. Các giấy tờ có thể khác nhau tùy thuộc vào người nộp đơn.

※ Nguồn nội dung: Hi Korea (<https://www.hikorea.go.kr>)



Guide 2

Việc làm hoặc Cư trú

#Chương trình việc làm với
các công ty trong nước



I. Chuẩn bị làm việc	28
II. Cuộc sống công việc	39
III. Thị thực liên quan đến nghề nghiệp và việc làm	41

I. Chuẩn bị làm việc

1. Bước 1: Tự đánh giá

Bước đầu tiên trước khi đặt ra mục tiêu việc làm là tích cực khám phá các giá trị nghề nghiệp, tính cách và năng lực của mình thông qua các bài kiểm tra tâm lý hoặc tư vấn việc làm. Bạn có thể thử làm bài kiểm tra tâm lý nghề nghiệp trên các trang web hoặc đến trung tâm hướng nghiệp tại trường đại học để được tư vấn việc làm hoặc nghề nghiệp.

(1) Bài kiểm tra tâm lý nghề nghiệp WorkNet (<https://zrr.kr/vHGF>)

Do Bộ Việc làm và Lao động phát triển, bài kiểm tra tâm lý nghề nghiệp này đo lường khách quan các đặc điểm tâm lý khác nhau, bao gồm khả năng, sở thích, tính cách của mỗi người, giúp họ lựa chọn được ngành nghề phù hợp với đặc điểm của mình.

(2) Bài kiểm tra tâm lý nghề nghiệp CareerNet (<https://sso.career.go.kr/>)

Được vận hành bởi Korea Research Institute for Vocational Education and Training (Viện Nghiên cứu Giáo dục và Đào tạo Nghề Hàn Quốc) và được hỗ trợ bởi Bộ Giáo dục, trang web thông tin nghề nghiệp và tuyển sinh đại học này cung cấp nhiều bài kiểm tra tâm lý liên quan đến việc làm và mức độ sẵn sàng làm việc. Ví dụ: bài kiểm tra tâm lý nghề nghiệp (thường dành cho sinh viên đại học), bài kiểm tra mức độ sẵn sàng phát triển nghề nghiệp, bài kiểm tra hiệu quả năng lực chuyên ngành, bài kiểm tra mức độ phù hợp chuyên ngành STEM và bài kiểm tra giá trị nghề nghiệp (đại học/tổng quát).

(3) Khác

Bạn cũng có thể khám phá các bài kiểm tra tâm lý khác như MBTI, Enneagram hoặc các chương trình được cung cấp bởi các trung tâm tư vấn nghề nghiệp (tùy theo trường đại học) tại các trường đại học.

2. Bước 2: Khám phá ngành nghề/việc làm

Bước thứ hai là nghiên cứu các tin tuyển dụng và quy trình tuyển dụng cũng như phân tích các hoạt động góp phần tạo ra việc làm và ngành nghề/công ty hoặc công việc bạn thấy hứng thú. Cụ thể, điều quan trọng là bạn phải xác định được con đường sự nghiệp có thể theo đuổi dựa trên chuyên ngành của mình, hiểu được những công việc liên quan thực sự liên quan cần phải làm, bên cạnh tìm ra những điểm mạnh và kinh nghiệm hữu ích cần có để hoàn thành công việc. Sự tìm hiểu này sẽ hữu ích trong việc chứng minh rằng bạn có năng lực phù hợp với vị trí công việc đang ứng tuyển, khi viết thư giới thiệu bản thân hoặc phỏng vấn sau này.

(1) Trang web tìm kiếm việc làm

Để truy cập thông tin việc làm tại địa phương, sinh viên nước ngoài có thể sử dụng nhiều nền tảng tuyển dụng tư nhân nước ngoài hoặc nền tảng công như Study in Korea (Bộ Giáo dục/Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia), Contact Korea (Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng/Cơ quan Xúc tiến Thương mại Đầu tư Hàn Quốc) cũng như các trang web do chính quyền địa phương cung cấp để hỗ trợ người nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên có thể chủ động tìm kiếm thông tin tuyển dụng thông qua các trang web chính thức của công ty mà họ mong muốn làm việc, bảng tin nghề nghiệp của trường đại học và tham gia vào các cộng đồng liên quan đến nghề nghiệp (câu lạc bộ tại trường đại học).

Công khai

- (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia) Study in Korea (Trang K-Job trên trang web Study in Korea): <https://www.studyinkorea.go.kr/ko/jobmain.do>
- (KOTRA) Contact Korea (Trang tuyển dụng người nước ngoài): <https://contactkorea.kotra.or.kr/index.do>
- HiBrainNet: <http://www.hibrain.net/>
- R&D Job: <http://www.rndjob.co.kr/>

Chính quyền địa phương

- (Seoul) Cổng thông tin người nước ngoài Seoul: <https://global.seoul.go.kr>
- (Busan) Việc làm ở Busan dành cho thanh thiếu niên nước ngoài: <https://jobfair.busanjob.net/000>
- (Gwangju) Trung tâm Quốc tế Gwangju: <https://gic.or.kr/?contentId=ae6fdaa66f425641a663b326738affdd>
- (Daejeon) Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Daejeon: https://www.dic.or.kr/kor/sub04/menu_01.html
- (Daegu) Trung tâm Hỗ trợ Lao động Nước ngoài Daegu: http://dfwc.or.kr/pages/board/list.php?board_sid=55
- (Incheon) Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Incheon: <https://iscfr.or.kr/archive/2060>

Riêng tư

(Trong Hàn Quốc)

- Saramin: <https://www.saramin.co.kr/>
- JobKorea: <https://www.jobkorea.co.kr/>
- Incruit: <https://www.incruit.com/>
- Remember: <https://career.rememberapp.co.kr/job/postings>
- PeopleNJob: <https://www.peoplejob.com/>
- LINKareer: <https://linkareer.com/?chatOpenType=default>
- JobPlanet: <https://www.jobplanet.co.kr/>
- Blind: <https://www.teamblind.com/kr/>

(Quốc tế)

- LinkedIn: <https://www.linkedin.com/>
- Glassdoor: <https://www.glassdoor.com/>
- Indeed: <https://www.indeed.com/>

(2) Phân tích công việc/công ty

Tùy thuộc vào chuyên ngành, quốc tịch và trình độ ngôn ngữ của sinh viên quốc tế, có nhiều cơ hội việc làm và vai trò khác nhau để bạn lựa chọn. Vì vậy, bạn nên sắp xếp các kinh nghiệm chuyên ngành và hoạt động của mình, tìm một công việc phù hợp và ứng tuyển vào công việc đó.

Các loại công việc chính dành cho sinh viên quốc tế

- Giảng dạy ngôn ngữ: Giảng dạy ngoại ngữ như tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung
- Phiên dịch và biên dịch viên: Thực hiện các công việc dịch thuật đa ngôn ngữ.
- Công việc thương mại và du lịch: Cung cấp dịch vụ thông tin du lịch và hướng dẫn du lịch cho khách du lịch nước ngoài.
- Công việc lĩnh vực CNTT: Thực hiện các công việc phát triển phần mềm, vận hành hệ thống, quản trị mạng, v.v. trong lĩnh vực CNTT.
- Lĩnh vực thiết kế: Thực hiện các công việc thiết kế khác nhau bao gồm UI/UX và thiết kế web, quảng cáo, thiết kế đồ họa, thiết kế thời trang, v.v.
- Công việc tiếp thị: Sáng tạo nội dung đa ngôn ngữ, khám phá thị trường nước ngoài, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khách hàng, tiếp thị và quảng cáo, v.v.
- Lĩnh vực nghiên cứu học thuật: Làm các công việc trợ lý nghiên cứu, trợ giảng, nghiên cứu sinh, v.v. tại trường đại học hoặc các tổ chức khác.
- Lĩnh vực Nhân sự, Kế toán, Quản lý: Làm các công việc liên quan đến nhân sự, kế toán và quản lý trong công ty.

Mẹo. Các trang web tìm việc làm hữu ích

- LetUIn (dành cho chuyên ngành STEM): <https://www.letuin.com/>
 - SpecUp (trang tuyển dụng lớn nhất Hàn Quốc trên Naver Cafe): <https://cafe.naver.com/specup>
 - Tiêu chuẩn năng lực quốc gia NCS (Mô tả kỹ năng công việc): <https://www.ncs.go.kr/index.do>
- * Tuyển dụng NCS (tuyển dụng mù) là quy trình sàng lọc nhằm tuyển dụng những người đang tìm việc ứng tuyển vào các tổ chức công và doanh nghiệp nhà nước bằng cách chỉ đánh giá một cách minh bạch và công bằng năng lực làm việc của ứng viên dựa trên mô tả kỹ năng công việc NCS. Điều kiện và tiêu chí ứng tuyển có thể khác nhau tùy thuộc vào từng tổ chức công và vị trí công việc. Vì vậy, sinh viên tốt nghiệp nước ngoài nên xác minh các điều kiện của họ như giấy phép lao động và điều kiện thị thực.

분야별	키워드	코드	NCS 분류보기	직무기술서 출력	
	01. 사업관리		02. 경영·회계·사무		03. 금융·보험
	04. 교육·자연·사회과학		05. 법률·경찰·소방·교도·국방		06. 보건·의료
	07. 사회복지·종교		08. 문화·예술·디자인·방송		09. 운전·운송
	10. 영업판매		11. 경비·청소		12. 이용·숙박·여행·오락·스포츠
	13. 음식서비스		14. 건설		15. 기계
	16. 재료		17. 화학·바이오		18. 섬유·의복
	19. 전기·전자		20. 정보통신		21. 식품가공
	22. 인쇄·목재·기구·공예		23. 환경·에너지·안전		24. 농림어업

Phân tích công ty

Biết được tâm nhìn, hoạt động kinh doanh chính, các vấn đề hiện tại hoặc tiềm năng tăng trưởng của công ty thông qua việc phân tích công ty là điều rất quan trọng. Điều này cũng giúp cá nhân hiểu được họ thực sự sẽ làm công việc gì và liệu công ty có phù hợp với họ hay không.

- Trang web của công ty: Kiểm tra tâm nhìn, sơ đồ tổ chức, lịch sử, v.v. của công ty
- Hệ thống phân tích, truy xuất và chuyển dữ liệu (DART): Trang web này (<http://dart.fss.or.kr>) cho phép truy cập các báo cáo kinh doanh, báo cáo hàng quý và báo cáo bán niên của các công ty niêm yết, công ty có nghĩa vụ công bố thông tin và các công ty vừa và nhỏ đang thực hiện kiểm toán bên ngoài.

Mẹo. Các thông tin mà người tìm việc có thể biết được từ trang web DART

Ngoài thông tin cơ bản, lịch sử và hoạt động kinh doanh chính của công ty, người tìm việc có thể đánh giá được sự ổn định của công ty đó.

- Người tìm việc chuẩn bị ứng tuyển vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất sắc có thể phân tích báo cáo tài chính của công ty để xác định xem công ty có an toàn và lành mạnh hay không trước khi nộp đơn ứng tuyển.

※ Tiêu chí về công ty phải tiết lộ thông tin theo DART

- | | |
|---------------------------------------|--|
| ① Tổng tài sản từ 12 tỷ KRW trở lên | ② Tổng nợ phải trả từ 7 tỷ KRW trở lên |
| ③ Tổng doanh thu từ 10 tỷ KRW trở lên | ④ Có từ 100 nhân viên trở lên |

3. Bước 3: Thu thập thông tin việc làm

Để chuẩn bị cho công việc, bạn cần nghiên cứu các công ty phù hợp với công việc mong muốn và biết được sớm về quy trình tuyển dụng, điều kiện ứng tuyển, sở thích công việc cụ thể cũng như các giấy tờ cần thiết được công ty quan tâm.

(1) Quy trình tuyển dụng

Quy trình tuyển dụng điển hình của các công ty tại Hàn Quốc thường bao gồm nộp hồ sơ ứng tuyển → phỏng vấn vòng một (phỏng vấn thực tế/công việc) → phỏng vấn vòng hai (phỏng vấn về tính cách/với giám đốc). Thông thường, các công ty lớn mở quy trình tuyển dụng hai lần mỗi năm (thường vào tháng 4 và tháng 9), bao gồm sàng lọc hồ sơ, kiểm tra tính cách/năng lực và phỏng vấn (lần 1: phỏng vấn thực tế, lần 2: phỏng vấn với giám đốc). Tuy nhiên, trong trường hợp tuyển dụng người nước ngoài, các công ty thường tiến hành tuyển dụng nhân viên chuyên nghiệp/tuyển dụng quanh năm. Vì vậy, các cá nhân cần phải có những nỗ lực như thường xuyên kiểm tra trang tin tuyển dụng của các công ty họ quan tâm.

- ① Kiểm tra tin tuyển dụng: Tin tuyển dụng của các công ty Hàn Quốc có sẵn trên trang web chính thức của họ hoặc trang web tìm kiếm việc làm, trong đó cung cấp thông tin về công việc và nhiệm vụ cần làm.
- ② Nộp đơn ứng tuyển: Tùy thuộc vào tin tuyển dụng, ứng viên phải chuẩn bị và nộp các mẫu đơn xin việc và sơ yếu lý lịch. Mẫu đơn ứng tuyển và sơ yếu lý lịch phải bao gồm thông tin về kinh nghiệm làm việc, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, v.v. cũng như động lực ứng tuyển. Đặc biệt, vì các cuộc phỏng vấn trong tương lai sẽ được thực hiện dựa trên nội dung trong hồ sơ nên thư giới thiệu cần được viết sao cho thể hiện đầy đủ sự phù hợp giữa năng lực và công việc.

- ③ Sàng lọc hồ sơ: Các công ty đánh giá toàn diện về trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, v.v. của ứng viên, dựa trên hồ sơ của họ.
- ④ Sàng lọc phỏng vấn: Quá trình này đánh giá tính cách, năng lực và kỹ năng của ứng viên. Quy trình này thường bao gồm vòng phỏng vấn thực tế/kỹ thuật đầu tiên và vòng phỏng vấn với giám đốc/về tính cách sau đó.
- ⑤ Chấp nhận cuối cùng: Thông báo chấp nhận cuối cùng sẽ được truyền đạt qua điện thoại hoặc trực tuyến.

Quá trình trên thể hiện một quy trình tuyển dụng chung và có thể khác nhau đối với mỗi công ty. Ngoài ra, đối với sinh viên quốc tế đến làm việc tại Hàn Quốc, cần phải có thêm các thủ tục bổ sung như xin Thị thực việc làm. Vì vậy, điều quan trọng không chỉ là hiểu rõ hệ thống việc làm tại Hàn Quốc mà còn phải chuẩn bị tốt về điều kiện công việc và nộp hồ sơ.

4. Bước 4: Xây dựng năng lực công việc để làm việc

Sau khi đã tìm hiểu về năng lực và nghề nghiệp mong muốn, hãy tập trung thu thập kiến thức và kinh nghiệm đa dạng liên quan đến công việc bạn hướng tới thông qua các nghiên cứu chuyên ngành, hoạt động tình nguyện, tham gia ngoại khóa, lấy bằng cấp chuyên môn, thực tập, v.v.

(1) Tham gia ngoại khóa

- (Bộ Giáo dục) "Thông báo 300 nhóm sinh viên khởi nghiệp triển vọng 2023, Theo dõi sinh viên quốc tế": <http://www.u300.kr/>
- (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia) "Những người ủng hộ Study in Korea": <https://www.studyinkorea.go.kr/ko/lifemain.do>
- (Bộ Ngoại giao)
 - "Những người bạn của MOFA": <https://zrr.kr/Co9a>
 - "Phóng viên danh dự KOREAZ": https://www.instagram.com/koreaz_hr/
- (Tổ chức Du lịch Hàn Quốc) "Wow Korea Supporters (Những người ủng hộ Châu Á và Trung Đông)"

(2) Hội chợ việc làm

- (Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia) Hội chợ việc làm dành cho sinh viên quốc tế

※ Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia và Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Thương mại Hàn Quốc (KOTRA) phối hợp tổ chức "Hội chợ việc làm dành cho sinh viên quốc tế" hàng năm với mục đích tuyển dụng sinh viên quốc tế và nhân tài toàn cầu. Hội chợ này là hội chợ việc làm lớn nhất Hàn Quốc dành cho sinh viên quốc tế, nơi sinh viên nước ngoài và người tìm việc nước ngoài có thể gặp gỡ các công ty và tổ chức Hàn Quốc và tìm kiếm cơ hội việc làm. Hội chợ này bao gồm nhiều chương trình và dịch vụ khác nhau để hỗ trợ việc làm, chẳng hạn như phỏng vấn 1:1, tư vấn công ty, tư vấn việc làm bởi các chuyên gia hiện tại, tư vấn sơ yếu lý lịch tiếng Hàn và huấn luyện khả năng phỏng vấn.

(ví dụ: ngày 21-22 tháng 8 năm 2023, được tổ chức trong hai ngày tại COEX ở Seoul)



(3) Chương trình việc làm

Các trung tâm hỗ trợ nghề nghiệp của trường đại học (các khoa khác nhau tùy theo trường) hoặc chính quyền địa phương cung cấp nhiều chương trình liên quan đến việc làm để nâng cao kỹ năng tìm việc, bao gồm các bài giảng đặc biệt về Thị thực việc làm, huấn luyện viết sơ yếu lý lịch và phỏng vấn cũng như các buổi tìm hiểu công việc.

(4) Bằng cấp chuyên môn

Các bằng cấp cần thiết để ứng tuyển công việc khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực ứng tuyển, vì vậy bạn nên kiểm tra các yêu cầu cụ thể của công việc và công ty trước khi chuẩn bị bằng cấp. Dưới đây là một số ví dụ về bằng cấp thường hữu ích khi ứng tuyển ở các công ty Hàn Quốc:

Trình độ tiếng Hàn	<ul style="list-style-type: none"> Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) Chương trình hòa nhập cư Hàn Quốc (KIIP) Trường Sejong <p>※ Vì hầu hết các công ty Hàn Quốc đều yêu cầu trình độ tiếng Hàn nên điều cần thiết là phải có trình độ tiếng Hàn cần thiết để nói chuyện hàng ngày và trao đổi về công việc. Các yêu cầu cụ thể cho từng bằng cấp phải được kiểm tra trong các bảng tin tuyển dụng tương ứng.</p> <p>※ (Tính đến tháng 7 năm 2023) Với sự đa dạng ngày càng tăng để cách chứng minh trình độ tiếng Hàn cho sinh viên quốc tế, các bằng chứng như hoàn thành Chương trình hòa nhập xã hội của Bộ Tư pháp hoặc đáp ứng tiêu chuẩn tiếng Hàn tại Trường Sejong, bên cạnh điểm TOPIK, đều được công nhận.</p>
Chứng chỉ chính thức về trình độ ngôn ngữ	<p>Trình độ tiếng Anh</p> <ul style="list-style-type: none"> TOEIC (Bài kiểm tra tiếng Anh giao tiếp quốc tế): Một trong những chứng chỉ tiếng Anh được công nhận rộng rãi nhất (Điểm cao nhất: 990 điểm). Nói TOEIC: Đánh giá trình độ nói tiếng Anh (Cấp 8 là cấp độ cao nhất). OPIC (Phòng vấn trình độ nói trên máy tính): Đánh giá trình độ nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, bao gồm tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Tây Ban Nha (AL là cấp độ cao nhất). <p>Bằng cấp chuyên môn khác</p> <ul style="list-style-type: none"> JLPT (Kỳ thi trình độ tiếng Nhật): Chứng chỉ tiếng Nhật được công nhận rộng rãi nhất (N1 là cấp độ cao nhất). JPT (Kỳ thi năng lực tiếng Nhật): Chứng chỉ tiếng Nhật do YBM quản lý (Điểm cao nhất: 990 điểm). HSK (Hanyu Shuiping Kaoshi): Chứng chỉ tiếng Trung được công nhận rộng rãi nhất (Cấp 6 là cấp độ cao nhất). HSKK (Hanyu Shuiping Kouyu Kaoshi): Kỳ thi nói tiếng Trung (Có ở trình độ sơ cấp, trung cấp và cao cấp). DELE (Diplomas de Español como Lengua Extranjera): Chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha được công nhận rộng rãi nhất (C2 là cấp độ cao nhất). <p>※ ※ Các yêu cầu cụ thể về điều kiện cho từng bằng cấp chuyên môn có thể khác nhau; điều cần thiết là phải kiểm tra chi tiết trong các bảng tin tuyển dụng tương ứng.</p>
Thành thạo Tự động hóa Office	Chuyên gia máy tính về Bảng tính & Cơ sở dữ liệu cấp 1 và 2, MOS (Chuyên gia Microsoft Office), Kỹ sư công nghệ tự động hóa Office, Kỹ sư xử lý dữ liệu, Kiến thức dữ liệu, Kiểm tra hiệu quả sử dụng máy tính cá nhân cấp 1 và 2 hoặc Chứng chỉ tự động hóa Office, v.v.
Kinh nghiệm làm việc và trình độ học vấn	Giấy chứng nhận kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan, chứng chỉ tốt nghiệp đại học và bảng điểm học tập trong lĩnh vực tương ứng.

- Công việc liên quan**
- Tiếp thị – Chuyên viên tư vấn quản lý được chứng nhận, Chuyên viên phân tích khảo sát
 - Tài chính – Chuyên viên hoạch định tài chính, Chuyên gia ngoại hối được chứng nhận
 - Thương mại/Logistics/Phân phối – Tiếng Anh thương mại, Chuyên gia quản lý logistics, CPIM (Chứng nhận Quản lý sản xuất và hàng tồn kho), Chuyên gia quản lý phân phối
 - Kế toán tài chính – CPA (Kế toán viên công chứng), CFA (Chuyên viên phân tích tài chính được chứng nhận), ERP (Lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp), Quản lý thông tin kế toán được chứng nhận, Kế toán thuế trên máy tính
 - Giáo dục – TESOL (Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác), Chứng chỉ giáo viên tiếng Hàn
- ※ Bằng cấp chuyên môn được yêu cầu có thể thay đổi tùy theo vị trí công việc ứng tuyển.

(5) Thực tập

1) Thực tập

Thực tập là một loại chương trình đào tạo công nghiệp để tích lũy kinh nghiệm làm việc thực tế trước khi làm việc chính thức. Một số chương trình thực tập có thể được coi là một phần của khóa học (khả năng áp dụng thay đổi tùy theo trường đại học) và các chương trình thực tập khác có liên quan trực tiếp đến việc làm tại công ty/tổ chức, đóng vai trò là kinh nghiệm làm việc cho việc làm trong tương lai.



① Thực tập sinh toàn cầu dành cho sinh viên quốc tế lần thứ 31 (<https://global.seoul.go.kr>)

a. Thời gian thực tập: Ngày 2/1/2023 (thứ Hai) đến 17/2/2023 (thứ Sáu) [7 tuần, 35 ngày]

b. Số lượng người tham gia (dự kiến): 25

• Khu vực công (13 phòng ban bao gồm Trụ sở thành phố, Phòng kinh doanh, Quỹ, v.v.): 19

• Khu vực tư nhân (4 công ty bao gồm cả Tổng công ty): 6

※ Số lượng vị trí thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả lựa chọn.

c. Giờ làm việc: 5 ngày mỗi tuần, 6 giờ mỗi ngày (09:00 đến 16:00, bao gồm 1 giờ nghỉ trưa)

※ Giờ làm việc có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh và thỏa thuận với cơ quan chủ quản.

d. Nội dung công việc: Các nhiệm vụ liên quan đến tiếp thị ở nước ngoài, dịch thuật và phiên dịch (tư vấn), hỗ trợ các vấn đề quốc tế, v.v.

② Thực tập toàn cầu LG Innotek (<https://news.lginnote.com/1381>)

③ Chương trình thực tập liên kết tuyển dụng toàn cầu Kolon dành cho sinh viên quốc tế

④ Thực tập toàn cầu mùa đông Hyundai Elevator 2023 (Thực tập sinh trải nghiệm dành cho sinh viên quốc tế) (<http://recruit.hyundailevator.co.kr/reMenuAction.do>)

⑤ Tuyển sinh thực tập sinh mở rộng cho sinh viên đại học của Samsung Electronics DS Division 2023 (<https://www.catch.co.kr/NCS/RecruitInfoDetails/290739>)

2) Làm việc trong kỳ nghỉ ở Hàn Quốc

Chương trình Thị thực làm việc trong kỳ nghỉ cho phép các cá nhân tận hưởng kỳ nghỉ ở Hàn Quốc mà vẫn có cơ hội làm việc, với thời hạn thị thực là một năm hoặc được gia hạn lâu hơn tùy theo các điều kiện cụ thể. Các quốc gia/khu vực đối tác, hạn mức hàng năm và quy trình đăng ký khác nhau tùy theo quốc gia. Vì vậy, bạn nên kiểm tra thông tin liên quan trên trang web chính thức của Working Holiday Info Center (Trung tâm Thông tin Làm việc vào kỳ nghỉ) - <https://zrr.kr/Ntnw> hoặc trang web của đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc gần nhất.

Các giấy tờ cần nộp

- Mẫu đơn xin thị thực
- Hộ chiếu hợp lệ và một ảnh chụp cỡ hộ chiếu (3,5 x 4,5cm)
- Vé máy bay khứ hồi hoặc bằng chứng chứng minh khả năng tài chính chi trả cho chuyến bay về
- Giấy tờ chứng minh tài chính (bản sao công chứng sao kê ngân hàng, v.v.)
- Bảo hiểm y tế hợp lệ trong thời gian lưu trú tại Hàn Quốc (bảo hiểm tối thiểu 4.000.000 KRW)
- Kế hoạch du lịch, lệ phí xin thị thực, giấy chứng nhận lý lịch tư pháp, giấy chứng nhận y tế, bằng chứng tư cách sinh viên hoặc giấy chứng nhận trình độ học vấn cao nhất

Các giấy tờ được liệt kê chỉ là những yêu cầu cơ bản và các giấy tờ bổ sung có thể được yêu cầu bởi đại sứ quán/lãnh sự quán Hàn Quốc hoặc Korea Visa Application Centre (Trung tâm Hồ sơ Thị thực Hàn Quốc - KVAC). Điều cần thiết là phải xác minh thông tin chính thức từ đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc gần nhất ở quốc gia hoặc khu vực của bạn trước khi nghỉ đến kế hoạch xin thị thực (theo hạn ngạch) và khả năng đủ điều kiện.



5. Bước 5: Ứng tuyển

(1) Sàng lọc hồ sơ

Kiểm tra điều kiện làm việc

Thị thực việc làm có nhiều loại tùy theo công việc và tiêu chí hợp lệ; bạn nên thường xuyên kiểm tra các điều kiện của Thị thực việc làm phù hợp với mình. Đối với các trạng thái thị thực liên quan đến việc làm sau khi tốt nghiệp, chẳng hạn như thị thực Tìm việc làm, thị thực Việc làm và thị thực Cư trú, hãy kiểm tra các tiêu chí hợp lệ cụ thể áp dụng cho bạn trong sổ tay Hi Korea. (<https://zrr.kr/Gahn>)

Ứng tuyển công việc

Ứng dụng trực tuyến	Ứng dụng trực tiếp
• Nộp hồ sơ thông qua các trang tuyển dụng cụ thể của công ty	Nộp qua đường bưu điện (đến trực tiếp)
• Nộp hồ sơ qua email	

Viết sơ yếu lý lịch và thư giới thiệu bản thân

① Mẹo viết sơ yếu lý lịch

- Định dạng sơ yếu lý lịch: Nếu một công ty cung cấp định dạng sơ yếu lý lịch và thư tự giới thiệu (mẫu đơn xin việc) cụ thể trong tin tuyển dụng, hãy tải xuống và điền thông tin vào mà không thay đổi bất kỳ định dạng nào. Nếu không có định dạng cụ thể, hãy sử dụng các mẫu sơ yếu lý lịch MS Word hoặc tiếng Hàn thông dụng để tạo sơ yếu lý lịch.
- Thông tin cơ bản: Ghi các thông tin cơ bản như tên, ngày sinh, số liên lạc, email và địa chỉ.
- Trình độ học vấn: Ghi thông tin về bằng cấp học thuật, chuyên ngành cùng với số năm tốt nghiệp. Bắt đầu với trình độ học vấn cao nhất và viết ra thông tin về trình độ học vấn, bao gồm đại học, cao học, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, v.v. (thường ghi thông tin từ trình độ học vấn cao nhất đến trình độ trước đó).
- Kinh nghiệm làm việc: Liệt kê kinh nghiệm làm việc, bao gồm cả trải nghiệm thực tập và dự án, theo thứ tự trở về trước. Ghi tên công ty, thời gian làm việc, vị trí và trách nhiệm công việc.
- Điểm năng lực ngôn ngữ và Bằng cấp chuyên môn: Ghi bằng cấp, giải thưởng, hoạt động đặc biệt, điểm trình độ ngôn ngữ, v.v. (đặc biệt là trình độ tiếng Hàn nếu có).
- Thư giới thiệu bản thân: Khi viết thư giới thiệu bản thân, hãy thể hiện sự hiểu biết và quan tâm đến công ty cũng như chi tiết công việc, nhấn mạnh vào năng lực liên quan đến công việc thông qua các ví dụ về kinh nghiệm, cũng như liệt kê các mục tiêu và tầm nhìn sau này.
- Tệp đính kèm: Đính kèm các tài liệu như sơ yếu lý lịch, thư giới thiệu bản thân và bản sao bằng cấp chuyên môn. Bạn nên đặt tên tệp theo cách sau: "Tên_Sơ yếu lý lịch".
- Xem lại và sửa đổi: Xem lại kỹ lưỡng và sửa lại sơ yếu lý lịch và thư giới thiệu bản thân, kiểm tra lỗi chính tả và đảm bảo tính logic về mặt ngữ cảnh.
- Nộp hồ sơ: Trước khi gửi qua trang web tuyển dụng của chính công ty, do không thể xem lại nội dung đã gửi sau khi hoàn thành, hãy lưu một bản sao riêng cho nội dung đã viết. Nếu gửi đơn ứng tuyển qua email, hãy nén nhiều tệp thành một tệp duy nhất để đính kèm.

② Mẹo viết thư giới thiệu bản thân

Các công ty sử dụng thư giới thiệu bản thân để đánh giá toàn diện kinh nghiệm làm việc, năng lực công việc, tính cách, đam mê, v.v. của ứng viên. Vì vậy, nên viết thư giới thiệu bản thân theo cách phản ánh các thông tin sau:

- Hiểu biết về công ty và chi tiết công việc: Thư giới thiệu bản thân phải thể hiện sự hiểu biết thấu

đáo về công ty và vị trí công việc đang ứng tuyển. Nghiên cứu tầm nhìn, sơ đồ tổ chức, lĩnh vực kinh doanh của công ty và dịch vụ của bộ phận đang ứng tuyển. Hiểu và viết ra các trách nhiệm, vai trò và kỹ năng cần thiết cho vị trí công việc mong muốn.

- **Nêu bật kinh nghiệm và năng lực cụ thể:** Thư giới thiệu bản thân phải cung cấp chi tiết cụ thể về kinh nghiệm và năng lực của ứng viên. Theo đó, ghi ra những thành tựu và năng lực đạt được thông qua kinh nghiệm làm việc hoặc trải nghiệm học tập, bao gồm bằng cấp chuyên môn, trình độ ngôn ngữ, v.v. và kể chuyện để liên kết chúng với những khả năng cần thiết cho vị trí công việc.
- **Truyền tải được đam mê và tầm nhìn:** Trong thư giới thiệu bản thân, hãy thể hiện bạn là một nhân tài phù hợp với các giá trị của công ty bằng cách giới thiệu động lực ứng tuyển, niềm đam mê, mục tiêu và khả năng sẵn sàng đón nhận thử thách mới.
- **Rà soát lỗi chính tả và cấu trúc câu:** Lỗi chính tả và cấu trúc câu rất quan trọng trong thư giới thiệu bản thân. Chú ý đến lỗi chính tả và ngữ pháp cơ bản, đồng thời đảm bảo văn bản dễ đọc và được sắp xếp hợp lý.

(3) Hướng dẫn viết thư giới thiệu bản thân dựa trên năng lực (Chi tiết theo từng phần)

- **Viết bằng phương pháp STAR**

Situation (Tình huống): Cho biết bối cảnh của tình huống đó.

Task (Nhiệm vụ): Ghi ra nhiệm vụ hoặc vấn đề bạn được giao hoặc cần giải quyết trong tình huống đó.

Action (Hành động): Giải thích những hành động cụ thể bạn đã thực hiện trong tình huống đó.

Result (Kết quả): Trình bày chi tiết thành tựu hoặc kết quả của cá nhân hoặc tổ chức do hành động của bạn tạo ra.

- **Sử dụng những cách diễn đạt khách quan và có thể định lượng thay vì những cụm từ mơ hồ**
Ví dụ: Cải thiện 10%, thu thập 500 dữ liệu thô, v.v.



Trong một dự án nhóm, khâu chuẩn bị cho phần OOOO đã bị trì hoãn.

(S: Tình huống)

Tôi phải dẫn dắt các thành viên trong nhóm với tư cách là trưởng nhóm để hoàn thành dự án. (T: Nhiệm vụ)

Truyền đạt rõ ràng mục tiêu đến các thành viên trong nhóm, phân công vai trò tương ứng và điều chỉnh lịch trình làm việc. Đồng thời, dự đoán trước những vấn đề có thể xảy ra trong quá trình làm việc và chuẩn bị phương án dự phòng. (A: Hành động)

Kết quả là chúng tôi đã vượt tiến độ dự án hơn 10% so với kế hoạch và tôi đã nhận được lời khen cung như sự biết ơn từ các thành viên trong nhóm. (R: Kết quả)

(2) Sàng lọc phỏng vấn

Quá trình phỏng vấn thay đổi tùy theo công ty, nhưng nhìn chung bao gồm phỏng vấn vòng một (phỏng vấn thực tế/PT) và phỏng vấn vòng hai (phỏng vấn về tính cách/với giám đốc).

① Phỏng vấn vòng một (Phỏng vấn thực tế/PT)

Phỏng vấn thực tế chủ yếu tập trung vào việc đánh giá các kỹ năng, kinh nghiệm và năng lực của ứng viên liên quan đến hiệu suất công việc thực tế. Mục đích chính là đánh giá vai trò của ứng viên có thể thực hiện đối với các nhiệm vụ cụ thể tại nơi làm việc.

Vì vậy, nội dung chính xoay quanh việc đánh giá kiến thức và năng lực kỹ thuật liên quan đến công việc. Hãy chuẩn bị cho những câu hỏi có thể sẽ được hỏi (hiểu rõ vị trí công việc tại công ty đang ứng tuyển, giải thích năng lực công việc cụ thể dựa trên kinh nghiệm của bạn như được mô tả trong thư giới thiệu bản thân, v.v.).

ví dụ

- “Sản phẩm chính của OO là gì, bạn có thể lập kế hoạch và đưa ra chương trình khuyến mãi để bán trên thị trường quốc tế không?”
- “Ở vị trí công việc OO mà bạn ứng tuyển, bạn thấy năng lực cần thiết là gì?”
- “Bạn có thể chia sẻ kinh nghiệm sử dụng các ngôn ngữ lập trình hoặc công cụ phần mềm cụ thể không?”
- “Khi gặp một vấn đề phức tạp, bạn sẽ giải quyết như thế nào?”
- “Là trưởng nhóm trong một dự án trước đây, bạn đã vượt qua những thách thức gì?”
- “Bạn tin những năng lực chính cần thiết cho vị trí công việc mà bạn ứng tuyển là gì?”
- “Bạn có thể mô tả chi tiết quá trình giải quyết vấn đề xảy ra trong các dự án trước đây được không?”
- “Bạn có kinh nghiệm sử dụng các công nghệ hoặc công cụ cụ thể để thực hiện nhiệm vụ của mình không?”
- “Hãy giới thiệu vai trò và đóng góp của bạn trong một dự án nhóm.”

② Phỏng vấn vòng hai (Phỏng vấn về tính cách/với giám đốc)

Nói chung, vòng phỏng vấn cuối cùng thường bao gồm một cuộc phỏng vấn tính cách với các giám đốc điều hành để đánh giá xem ứng viên có phải là nhân tài phù hợp với tầm nhìn, văn hóa và cách làm việc của công ty hay không. Vì trọng tâm chính là đánh giá tầm nhìn tổng thể và năng lực chiến lược của tổ chức nên điều cần thiết là phải chuẩn bị các cuộc phỏng vấn về tính cách/nghề nghiệp và phần tự giới thiệu bản thân phù hợp với các công ty tương ứng.

ví dụ

- “Chuyên ngành của bạn không thuộc lĩnh vực bán dẫn. Có lý do cụ thể nào khiến bạn nộp đơn vào công ty của tôi không?”
- “Khi gặp những thử thách bất ngờ, bạn phản ứng thế nào?”
- “Tại sao bạn tin rằng mình là nhân tài phù hợp với công ty này?”
- “Nếu cấp trên giao cho bạn một nhiệm vụ không công bằng, bạn sẽ xử lý thế nào?”
- “Thành tựu quan trọng nhất trong tổ chức mà bạn đã lãnh đạo cho đến nay là gì?”
- “Bạn nghĩ bạn có thể đóng góp những giá trị kinh doanh nào cho công ty của tôi?”

Kiểm tra các giai đoạn phỏng vấn trong tin tuyển dụng mà bạn đang ứng tuyển và chuẩn bị cho từng giai đoạn bằng cách tổng hợp các câu hỏi phỏng vấn dự kiến sẽ được hỏi hoặc tham gia phỏng vấn thử trước.

II. Cuộc sống công việc

1. Các loại hợp đồng lao động

(1) Công việc lao động thông thường

Công việc lao động thông thường là việc làm cố định, nhận được số giờ làm việc và tiền lương được xác định trước.

(2) Công việc lao động theo hợp đồng

Công việc lao động theo hợp đồng là một hình thức hợp đồng nhằm mục đích làm việc trong một khoảng thời gian cụ thể và cho phép xác định trước số giờ làm việc và mức lương tương tự như công việc lao động thông thường.

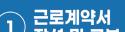
(3) Công việc bán thời gian

Là hình thức hợp đồng làm việc tạm thời hoặc có thời hạn, thường được trả lương theo giờ.

Mặc dù các loại hợp đồng lao động được mô tả ở trên mang tính phổ biến nhưng có thể có các biến thể tùy thuộc vào công ty hoặc ngành nghề. Đối với người nước ngoài đang tìm kiếm thông tin chi tiết về hợp đồng lao động tại Hàn Quốc, nên hỏi công ty tương ứng hoặc bất kỳ tổ chức nào liên quan đến hợp đồng lao động để xác nhận thông tin chi tiết.

Thông tin tham khảo

- ① Trang web của Bộ Việc làm và Lao động (<https://www.moel.go.kr>)
- ② Bộ Việc làm và Lao động - Tài liệu chính sách - Chính sách dù điều kiện - Người nước ngoài (<https://www.moel.go.kr/policy/policyinfo/foreigner/list.do>)
- ③ Work in Korea - Quản lý việc làm cho người lao động nước ngoài - 4 loại bảo hiểm chính (<https://www.workinkorea.org:5443/ko/37>)

1 근로계약서 작성 및 교부  <p>임금, 근로시간, 휴일 등 근로조건을 서면으로 명시하여 근로자에게 교부하여야 한다. 근로계약서 팔수 기재 사항</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 임금과 그 구구항목, 계약방법, 시급방법 2 근로시간(소정근로시간, 희생시간 등) 3 휴일 4 퇴직금증여 5 취업의 장소와 종사하여 할 업무 등 6 고지(근로자에게 경위) 근로계약기준·현행내용 7 (본인)근로자에게 경위·근로계약기준·현행내용에 동의함을 증명하는 서명 <p>포증근로계약서 사용 www.moel.go.kr 정부포털 www.moel.go.kr 표준문서와 함께 활용해 보세요 ☞ 500만원 미만 벌금 부과가능한 것(기준내에서 적은 근로자에게 미작성 및 고지부재 경우 제한적 벌금 부과)</p>	2 임금변세서 교부  <p>임금을 지급할 때마다 아래 사항이 기재된 임금변세서를 서면, 이메일, 휴대전화 문자메시지, 메신저 등을 통하여 근로자에게 교부해야 한다. 임금변세서 팔수 기재 사항</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 이월, 선불방식 등 근로자를 특정할 수 있는 청탁 2 임금지급일 3 임금증액 4 (연장, 약간, 휴일근로가 있을 때는) 연장근무·약간근무·휴일근로 특별 계산방법 5 기본급, 계약수당, 상여금 등 임금체계별 급여 6 (임금체계별 급여 중 근로수당에 따라 달라지는 경우) 세금·보험금 계산방법 7 (임금변세서) 공제방법과 충족 <p>임금변세서 사용 www.moel.go.kr 정부포털 www.moel.go.kr 표준문서와 함께 활용해 보세요 ☞ 500만원 미만 벌금 부과</p>	3 최저임금 준수  <p>임금을 지급할 때에는 최저임금 이상을 지급해야 한다. 2022년에 적용되는 최저임금은 시급금 9160원이다. (2020년 8,900원, 2021년 8,708원)</p> <p>2022년 적용 최저임금</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>시급 9160원</td> </tr> <tr> <td>일급 73,280원(일 8시간 기준)</td> </tr> <tr> <td>월급 191,440원 (40시간, 월요일 8시간 포함)</td> </tr> </table> <p>사용자가 근로자와 합의하여 별정 최저임금에 대비하는 임금을 지급하기로 하더라도 법적 효력이 없습니다. * 사용자는 반드시 별정 최저임금 이상을 지급해야 합니다.</p>	시급 9160원	일급 73,280원(일 8시간 기준)	월급 191,440원 (40시간, 월요일 8시간 포함)	4 임금체불 예방  <p>임금은 최종 3회 이상 일정한 날짜에 지급해야 하고, 근로자가 일을 하거나 퇴직한 때에는 최저임금 지급해야 한다. 퇴직금은 정기금·3개월·재직자금·3개월·임금제이며, 퇴직금은 최종 3회 일정한 날짜에 지급되어야 한다. ☞ 3년 미하 경계 또는 전년 한 해 벌금 부과</p> <p>참고 : 퇴직금 지급여부 근로자가 1년 이상 일한 후 퇴직한 때에는 최저임금 지급여부에 합의 퇴직금은 정기금·3개월·재직자금·3개월·임금제이며, 퇴직금은 최종 3회 일정한 날짜에 지급되어야 한다. ☞ 3년 미하 경계 또는 전년 한 해 벌금 부과</p> <p>고통노동부 퇴직금 가이드 www.moel.go.kr 고통노동부 퇴직금 가이드 퇴직금 계산 ☞ 3년 미하 경계 또는 전년 한 해 벌금 부과</p> <p>임금체불 예방 기관은 저작권 등록세 신고와 주제로 ① 사용자 소송: 법원 재판부에 전자증명서로 신고접수 ② 고지부재: 법원 재판부에 전자증명서로 신고접수</p>
시급 9160원						
일급 73,280원(일 8시간 기준)						
월급 191,440원 (40시간, 월요일 8시간 포함)						

2. Văn hóa nơi làm việc tại Hàn Quốc

(1) Chức danh

Ở các công ty Hàn Quốc, chức danh thường được phân biệt dựa trên độ tuổi hoặc chức vụ. Mọi người thường thêm “ssi” hoặc “nim” sau tên mỗi khi gọi người giám sát hoặc cấp trên. Tuy nhiên, mọi người thường sử dụng tên không có bất kỳ hậu tố nào khi xưng hô với đồng nghiệp hoặc cấp dưới.

(2) Thời gian làm việc

- **Giờ làm việc:** Thông thường, giờ làm việc từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều. Tuy nhiên, một số công ty có thể có giờ làm việc khác nên hãy kiểm tra giờ làm việc trước khi gia nhập công ty.
- **Nghỉ trưa:** Các công ty Hàn Quốc thường có giờ nghỉ trưa cố định, thậm chí một số công ty còn cho phép nhân viên dùng bữa trong văn phòng. Giờ nghỉ trưa thường rơi vào khoảng từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều, kéo dài khoảng một giờ.

3. Thuật ngữ liên quan đến nơi làm việc

(1) Cách viết email hữu ích

- 이메일을 보내드립니다. (Tôi viết email này cho...)
- 제안드립니다. (Tôi muốn đề xuất.)
- 추가 질문이 있으면 언제든지 연락해 주세요. (Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng liên hệ với tôi.)

(2) Cách diễn đạt liên quan đến nhiệm vụ trong công việc

- 논의할 사항이 있습니다. (Tôi có một số vấn đề cần thảo luận.)
- 기한이 얼마 남지 않았습니다. (Thời hạn đang đến gần)
- 예산을 검토해야 합니다. (Chúng ta cần xem lại ngân sách.)
- 계약 조건을 협의해야 합니다. (Chúng ta cần đàm phán các điều khoản hợp đồng.)
- 제안드릴게요. (Tôi muốn đưa ra một đề xuất.)

(3) Cách diễn đạt trong cuộc họp

- 회의 일정을 잡을게요. (Tôi sẽ sắp xếp một cuộc họp.)
- 회의에 참석해 주세요. (Vui lòng tham dự cuộc họp.)
- 회의 주제는 [주제]입니다. (Chủ đề của cuộc họp là [chủ đề].)

(4) Cách diễn đạt sự chấp thuận

- 이 문서를 결재해 주세요. (Vui lòng phê duyệt tài liệu này.)
- 결재자를 지정해야 합니다. (Chúng tôi cần chỉ định một người phê duyệt.)
- 결재 완료되면 알려드리겠습니다. (Tôi sẽ thông báo cho bạn sau khi phê duyệt xong.)

Những cách diễn đạt này có thể hữu ích trong môi trường giao tiếp kinh doanh nói chung. Hãy lựa chọn và thực hành cách diễn đạt phù hợp dựa trên bối cảnh cụ thể.

III. Thị thực liên quan đến nghề nghiệp và việc làm

Các loại thị thực mà sinh viên quốc tế có thể lấy sau khi tốt nghiệp tại Hàn Quốc bao gồm thị thực Tìm việc làm, thị thực Việc làm và thị thực Tình trạng cư trú.

1. Thị thực tìm việc làm (D-10)

Thị thực tìm việc làm là gì?

Thị thực này có thể được thay đổi thành thị thực Người tìm việc (D-10-1), hoặc nếu bạn ghi danh học cao học ở Hàn Quốc sau khi tốt nghiệp đại học, thị thực Sinh viên (D-2) có thể được duy trì, cho phép bạn tham gia tìm kiếm công việc trong một thời gian nhất định.

Người tìm việc, D-10-1

Thị thực D-10-1 cho phép thực tập trước khi làm việc chính thức và dành cho những cá nhân đang tìm kiếm việc làm trong các lĩnh vực chuyên môn đủ điều kiện từ E-1 đến E-7. Tuy nhiên, thị thực này không cho phép thực tập lao động đơn giản hoặc lao động chân tay. Vì vậy, nếu đã được xác nhận việc làm, thị thực phải được thay đổi thành loại phù hợp cho công việc cụ thể.

- Thời gian: Có thể gia hạn 6 tháng một lần, tối đa 2 năm
(Trong vòng tối đa 2 năm, chỉ có thể thực tập tại mỗi công ty trong tối đa 6 tháng với tổng thời gian làm việc là 1 năm.)
- Các giấy tờ cần nộp: Các giấy tờ theo quy định của Nghị định thực thi Đạo luật kiểm soát đăng ký người nước ngoài và nhập cư
- Các giấy tờ thông thường (hồ sơ, ảnh chụp, bản sao hộ chiếu, lệ phí, bản sao thẻ căn cước)
- Kế hoạch tìm việc (bao gồm các hoạt động tìm việc cụ thể trong 6 tháng qua và kế hoạch trong tương lai)
- Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Hàn, giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc (đối với cá nhân áp dụng)
- Giấy chứng nhận bằng cấp
- Giấy tờ chứng minh tài chính về chi phí lưu trú (tối thiểu 900.000 KRW mỗi tháng × 6 tháng = khoảng 5,4 triệu KRW).
Tuy nhiên, người nộp đơn thay đổi tư cách lưu trú từ Sinh viên (D-2) sang Đang tìm việc (D-10) lần đầu tiên được miễn nộp giấy tờ chứng minh tài chính.
- Giấy tờ chứng minh cư trú (hợp đồng thuê nhà)

Mẹo. Những lưu ý khi làm công việc thực tập

Khi bắt đầu thực tập, cần phải báo cáo với cơ quan quản lý nhập cư trong vòng 2 tuần (nộp hợp đồng lao động thực tập, bản sao giấy đăng ký kinh doanh và danh sách người tham gia bảo hiểm việc làm).

※ (Khởi nghiệp kinh doanh, D-10-2): Thị thực này cho phép các hoạt động thực tập trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến dựa trên hợp đồng lao động thực tập với các công ty (tổ chức) đáp ứng tiêu chí do Bộ trưởng Tư pháp đặt ra.

- Thời gian: Tối đa 1 năm cho mỗi lần cấp (tuy nhiên không được vượt quá thời gian thực tập quy định trong hợp đồng).

2. Thị thực tình trạng việc làm (Nhóm E)

Thị thực tình trạng việc làm

Thông thường, những người tìm kiếm việc làm tại Hàn Quốc sau khi tốt nghiệp đại học có thể nộp đơn xin thị thực E-7, đây là thị thực việc làm phổ thông. Thị thực Các hoạt động được chỉ định E-7 được thiết kế cho các chuyên gia đang tìm kiếm việc làm trong các doanh nghiệp hoặc tổ chức công. Vì chúng bao gồm bốn loại và tổng cộng 87 mã nghề nghiệp nên các điều kiện cần thiết cho mỗi thị thực cần phải được xác minh riêng lẻ.

Thị thực E-7, Các hoạt động được chỉ định

Thị thực E-7 được thiết kế dành cho các cá nhân tham gia vào các hoạt động (87 mã nghề nghiệp) do Bộ trưởng Tư pháp chỉ định cụ thể.Các chuyên gia được phân thành bốn loại:lao động có chuyên môn, bán chuyên, có tay nghề phổ thông và có tay nghề cao.Các loại này được đánh giá linh hoạt với nhiều ứng dụng khác nhau cho từng loại.

<Mã nghề nghiệp>

- Thời gian: 3 năm (5 năm đối với cá nhân xuất sắc được các bộ liên quan giới thiệu, lao động E-7 trong khu phát triển chuyên ngành hoặc khu phức hợp y tế tiên tiến và nhà nghiên cứu tại cơ sở nghiên cứu phát triển y tế trong khu kinh tế tự do)
- Tiêu chí: Người có bằng thạc sĩ trở lên trong lĩnh vực liên quan đến nghề nghiệp
- Người có bằng cử nhân liên quan đến nghề nghiệp + ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan (kinh nghiệm làm việc chỉ được tính sau khi có bằng cấp hoặc chứng chỉ chuyên môn. Đối với lao động trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến như CNTT, sinh học, nano, kinh nghiệm thực tập trong lĩnh vực liên quan trước khi tốt nghiệp vẫn được công nhận là kinh nghiệm làm việc.)
- Có trên 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan đến nghề nghiệp
- Các giấy tờ cần nộp: (Thông thường) Đơn ứng tuyển, ảnh thẻ, bản sao hộ chiếu, bản sao thẻ căn cước, hợp đồng lao động, bằng cấp, chứng nhận kinh nghiệm làm việc, chứng chỉ chuyên môn, thư giới thiệu việc làm (theo ngành nghề)

3. Thị thực tình trạng cư trú (Thị thực nhóm F)

Thị thực tình trạng cư trú

Thị thực thường trú F-2 hoặc Thị thực thường trú F-5 liên quan đến việc thường trú, cho phép cư trú lên đến 5 năm mỗi lần cấp. Thị thực F-2 áp dụng cho các cá nhân kết hôn với công dân Hàn Quốc hoặc có con là người Hàn Quốc. Mặt khác, thị thực F-5 dành cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc có hộ khẩu thường trú. Các loại thị thực này cũng cho phép các hoạt động tìm kiếm việc làm.

※ Để biết các yêu cầu chi tiết và các điều kiện cụ thể về cấp thị thực, vui lòng tham khảo Hướng dẫn sử dụng cho từng trạng thái khiếu nại dân sự về thị thực (<https://zrr.kr/Gahn>).

Mẹo. Thị thực khu vực chuyên biệt (F-2-R)

Hệ thống thị thực khu vực chuyên biệt được thiết kế để miễn thị thực cho người nước ngoài cần thiết trong khu vực, khuyến khích định cư trong cộng đồng địa phương và thúc đẩy các hoạt động kinh tế trong khu vực. Hệ thống này do Bộ Tư pháp thành lập, cấp trước thị thực Cư trú (F-2) cho người nước ngoài đáp ứng cả tiêu chí cơ bản và tiêu chí cụ thể theo khu vực, với điều kiện họ sống và làm việc ở khu vực dân số đang suy giảm trong một khoảng thời gian nhất định.

- Tiêu chí

- Trình độ học vấn/Thu nhập: Những cá nhân có bằng liên kết trong nước trở lên hoặc những người sắp tốt nghiệp.
- Thu nhập: 70% tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người trở lên kể từ ngày nộp hồ sơ.
- Nơi cư trú: Nơi cư trú thực tế tại chính quyền địa phương đủ điều kiện được cấp thị thực theo khu vực cụ thể + Cam kết cư trú tại khu vực giảm dân số được chỉ định trong ít nhất 5 năm
- Việc làm: (Xác nhận) việc làm mới tại nơi làm việc nằm trong chính quyền địa phương tương ứng thuộc ngành được Bộ Tư pháp chỉ định + Cam kết tiếp tục làm việc trong ngành được chỉ định tại khu vực giảm dân số được chỉ định trong ít nhất 5 năm
- Tiêu chí cơ bản: Hoàn thành giai đoạn 3 trở lên của Chương trình hòa nhập xã hội + Đạt cấp độ 3 trở lên trong Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)
- Đạo đức tốt: Không vi phạm luật pháp trong nước hoặc quốc tế.
- Tư cách và thời gian lưu trú: Lên đến 2 năm với thị thực F-2-R

Mẹo. Người Hàn Quốc ở nước ngoài (F-4)

Loại thị thực này được cấp cho người Hàn Quốc đến từ Trung Quốc và các vùng thuộc Liên Xô cũ. Các tiêu chí áp dụng cho những cá nhân ít có khả năng tham gia lao động đơn giản, bao gồm sinh viên tốt nghiệp đại học trong nước và quốc tế, đại diện doanh nghiệp, người có bằng cấp, người dân tộc Hàn Quốc từ 60 tuổi trở lên, những người đã hoàn thành giai đoạn 4 trở lên của Chương trình hòa nhập Xã hội, người tốt nghiệp các trường trung học phổ thông trong nước và học sinh đang theo học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông trong nước.

- Tiêu chí: Những cá nhân sinh ra đã có quốc tịch Hàn Quốc.
- Các giấy tờ cần nộp: (Thông thường) Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Hàn, giấy chứng nhận lý lịch tư pháp ở nước ngoài, giấy tờ chứng minh chi tiết mối quan hệ gia đình (cần xác minh chi tiết), giấy tờ chứng minh người Hàn Quốc có quốc tịch nước ngoài (cần xác minh chi tiết).

Guide 3

Thông tin cuộc sống

#Cuộc sống tiện lợi



I. Cuộc sống nhà ở	46
II. Bảo hiểm y tế	49
III. Lấy giấy phép lái xe	51
IV. Dịch vụ ngân hàng	52
V. Kích hoạt điện thoại di động	56
VI. Dịch vụ bưu chính	57
VII. Hướng dẫn tái chế riêng biệt	60
VIII. Phòng chống tội phạm	61

I. Cuộc sống nhà ở

Sau khi quyết định du học Hàn Quốc, lựa chọn quan trọng đầu tiên liên quan đến việc chọn trường và nơi cư trú. Trong số những thứ cần cân nhắc khi chọn trường, khả năng tiếp cận ký túc xá là điều cần thiết. Nếu không có chỗ ở ký túc xá, lựa chọn tiếp theo là ở nội trú hoặc sống tự lập.

Ký túc xá

Hầu hết các trường đại học đều có ký túc xá riêng. Ký túc xá nằm trong khuôn viên trường đại học hoặc gần trường, mang đến các lựa chọn đi lại thuận tiện và giá cả phải chăng. Ngoài ra, ký túc xá còn cung cấp các cơ sở phụ trợ như thư viện, phòng máy tính, phòng tập thể dục và phòng ăn, nâng cao sự thuận tiện và sự đa dạng cho sinh viên. Tuy nhiên, vì ký túc xá là không gian chung của nhiều người nên các quy định nghiêm ngặt được áp dụng để bảo vệ quyền riêng tư cá nhân. Phòng ký túc xá được chia thành phòng đơn và phòng nhiều người (phòng 2 người, phòng 4 người, v.v.). Điều kiện ở ký túc xá và chi phí cư trú có thể khác nhau tùy theo trường, vì vậy bạn nên hỏi ký túc xá của trường đang theo học.

Nội trú

Nội trú đề cập đến việc sắp xếp nơi ở trong đó các bữa ăn và chỗ ở được cung cấp bởi một hộ gia đình bình thường và người cư trú phải trả các chi phí liên quan hàng tháng. Mặc dù ở nội trú mang đến cơ hội tuyệt vời để trải nghiệm văn hóa gia đình Hàn Quốc, nhưng bảo vệ quyền riêng tư cá nhân có thể là một thách thức khi chia sẻ không gian sống với nhiều cư dân. Vì có nhiều lựa chọn nội trú gần các trường đại học nên bạn nên đích thân đến thăm và đánh giá môi trường sống cũng như chi phí trước khi đưa ra quyết định.

Thuê nhà: Jeonse (thuê nhà trọn gói) và Wolse (thuê nhà hàng tháng)

Không bao gồm ký túc xá và nội trú, các hình thức nhà ở được sử dụng phổ biến nhất ở Hàn Quốc là thuê nhà thông qua Jeonse hoặc Wolse. Thuê hàng tháng ở Hàn Quốc (Wolse) thường phải đặt cọc trước một số tiền được xác định sẵn, trả một số tiền được xác định trước (tiền thuê nhà) hàng tháng, sau đó mới nhận lại tiền đặt cọc khi hết thời hạn hợp đồng.

Jeonse là thuật ngữ thường được sử dụng khi thuê nhà hoặc bất động sản trong thời gian dài. Trong trường hợp này, người thuê nhà trả một khoản tiền trọn gói đã được xác định từ trước cho chủ nhà, sau đó có thể thuê nhà trong thời gian tương ứng. Tiền đặt cọc thường được hoàn trả sau thời gian đã thỏa thuận.

Mặc dù Jeonse yêu cầu trả trước nhiều hơn so với Wolse nhưng có ưu điểm là không yêu cầu thanh toán tiền hàng tháng trong một khoảng thời gian định trước. Mặt khác, Wolse liên quan đến việc trả một số tiền định trước hàng tháng để thuê nhà hoặc bất động sản. Tiền đặt cọc Wolse nhìn

chung thấp hơn so với Jeonse. Wolse có chi phí ban đầu thấp hơn so với Jeonse, nhưng về lâu dài, tổng chi phí có thể cao hơn. Khi chọn nhà, điều quan trọng là phải xem xét ưu và nhược điểm của Jeonse và Wolse tùy theo hoàn cảnh cá nhân. Jeonse mang lại sự ổn định về lâu dài, còn Wolse có thể có lợi trong những tình huống linh động hơn.

Tiền đặt cọc là số tiền được xác định trước mà người thuê nhà trả cho chủ nhà khi ký hợp đồng Jeonse hoặc Wolse. Đặt cọc đảm bảo chủ nhà có thể nhận được tiền bồi thường nếu người thuê làm hư hỏng ngôi nhà hoặc không trả tiền thuê hàng tháng trong thời gian thuê.

Nói chung, việc thỏa thuận tiền đặt cọc sẽ thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố như toàn bộ số tiền đặt cọc, số tiền Jeonse hoặc Wolse cũng như các trường hợp khác.

Tiền đặt cọc có thể được hoàn lại khi người thuê chấm dứt hợp đồng và trả lại nhà với điều kiện nhà không bị hư hại và đã trả đủ tiền thuê hàng tháng. Số tiền đặt cọc thường thay đổi tùy thuộc vào số tiền Jeonse hoặc Wolse và có thể khác nhau tùy theo địa điểm. Tiền đặt cọc là yếu tố quan trọng khi thuê nhà, bất động sản. Do vậy, bạn cần phải hiểu rõ và ghi rõ các điều kiện liên quan đến tiền đặt cọc khi giao kết hợp đồng.

Bạn có thể tìm thấy các chi tiết pháp lý cần cân nhắc khi cho thuê nhà thông qua liên kết dưới đây: <https://zrr.kr/3WAe>



Báo cáo thay đổi đăng ký cư trú . . .

Nếu bạn đã sở hữu một ngôi nhà cho thuê và đã thông báo về việc chuyển đến, bạn có Quyền phản đối bên thứ ba kể từ ngày hôm sau, ngay cả khi bạn không đăng ký riêng (Điều 3(1) của “Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà”). Nói cách khác, khi các vấn đề như dấu giá phát sinh, bạn có thể nhận được sự bảo vệ của luật pháp bằng cách tuân theo “Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà”.

※ “Quyền phản đối” dùng để chỉ quyền theo pháp luật cho phép người thuê nhà khẳng định nội dung của hợp đồng thuê đối với bên thứ ba (người được chuyển nhượng nhà cho thuê, người kế thừa quyền thuê và những người khác có lợi ích trong nhà cho thuê) theo Điều 3(1) của Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà. Việc bảo vệ theo “Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà” được áp dụng cho các thể nhân có quốc tịch Hàn Quốc. Vì vậy, người nước ngoài về cơ bản không được bảo vệ theo Điều 1 của “Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà”. Tuy nhiên, nếu người nước ngoài thuê nhà đã nộp báo cáo thay đổi đăng ký cư trú tương đương với thông báo chuyển đến thì họ là trường hợp ngoại lệ và được bảo vệ theo “Đạo luật bảo vệ hợp đồng thuê nhà” (Điều 88-2(2) của “Đạo luật nhập cư” và Quyết định của Tòa án Dân sự Quận Seoul ngày 16 tháng 12 năm 1993, 93gaHap73367 Phần 11 Phán quyết: Cuối cùng). Vì vậy, nếu bạn đã chuyển đến nhà thuê thì phải nộp báo cáo thay đổi đăng ký cư trú cho người đứng đầu Si/Gun/Gu hoặc Eup/Myeon/Dong của nơi ở mới hoặc trưởng văn phòng hoặc chí nhánh quản lý xuất nhập cảnh phụ trách nơi ở mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển đi (Quy định tại Điều 36(1) của “Đạo luật nhập cư”). Nếu vi phạm điều này, việc không nộp báo cáo thay đổi đăng ký cư trú có thể bị phạt lên tới 1 triệu KRW (Điều 98, Đoạn 2 của “Đạo luật nhập cư”).

※ Để biết thông tin chi tiết về báo cáo thay đổi đăng ký cư trú, vui lòng tham khảo phần “Đăng ký người nước ngoài nhập cảnh - Đăng ký người nước ngoài” trong Thông tin pháp lý về cuộc sống dễ tiếp cận.

※ Nguồn: Thông tin pháp lý về cuộc sống dễ tiếp cận (<https://zrr.kr/bwNX>)

Mẹo. Các ứng dụng bất động sản hữu ích



Zigbang



Dabang



Naver Real Estate

Đây là những ứng dụng nền tảng cung cấp thông tin liên quan đến bất động sản tại Hàn Quốc. Thông qua các ứng dụng này, bạn có thể truy cập nhiều loại thông tin bất động sản như Jeonse, Wolse và rao bán. Ngoài ra, bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết về những ngôi nhà bạn quan tâm bằng cách trò chuyện theo thời gian thực với các đại lý bất động sản, tạo điều kiện thuận lợi để tìm kiếm những ngôi nhà đáp ứng tiêu chí mong muốn của bạn.

II. Bảo hiểm y tế

Hướng dẫn về hệ thống bảo hiểm y tế cho người nước ngoài

Hệ thống bảo hiểm y tế được thiết kế để đảm bảo phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị các bệnh tật và thương tích có thể xảy ra cho sức khỏe và an sinh xã hội của công dân. Bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, sinh viên quốc tế bắt buộc phải tham gia bảo hiểm y tế. Phí bảo hiểm y tế dành cho sinh viên quốc tế được tính dựa trên mức phí bảo hiểm trung bình cho mỗi hộ gia đình của người mua bảo hiểm trong quận vào cuối năm trước. Trong trường hợp tư cách lưu trú tương ứng với Sinh viên (D-2), phí bảo hiểm sẽ được giảm 50%.

Điều kiện và thủ tục đăng ký bảo hiểm y tế

- ☞ Nếu sinh viên quốc tế đáp ứng tất cả các tiêu chí sau đây áp dụng cho người mua bảo hiểm trong quận đối với Dịch vụ bảo hiểm y tế quốc gia, họ có thể trở thành người mua bảo hiểm y tế trong quận:
 - Không phải là công dân Hàn Quốc ở nước ngoài hoặc người nước ngoài được chủ lao động mua hợp đồng bảo hiểm
 - Đã cư trú tại Hàn Quốc từ sáu tháng trở lên, có tư cách thường trú nhân, có tư cách lưu trú Việt làm không chuyên nghiệp (E-9) hoặc có các lý do như kết hôn, học tập, đào tạo tổng quát dự kiến sẽ dẫn đến tình trạng cư trú liên tục
 - Là người được đăng ký là người nước ngoài theo Điều 31 của “Đạo luật nhập cư” và có tư cách lưu trú quy định tại Bảng 9 đính kèm của “Nguyên tắc thi hành Đạo luật bảo hiểm y tế quốc gia”
- ☞ Sinh viên quốc tế tự động trở thành người mua Bảo hiểm y tế quốc gia mà không cần phải khai báo với Dịch vụ bảo hiểm y tế quốc gia.
- Đối với người nhập cảnh lần đầu có tư cách lưu trú là Sinh viên (D-2) hoặc Học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông (D-4-3), họ sẽ trở thành người mua bảo hiểm vào ngày đăng ký người nước ngoài.
- Để tái nhập cảnh sau khi đăng ký với tư cách là người nước ngoài có tư cách lưu trú là Sinh viên (D-2) hoặc Học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông (D-4-3), họ sẽ trở thành người mua bảo hiểm vào ngày tái nhập cảnh.
- Đối với người nhập cảnh có tư cách lưu trú là Thực tập sinh phổ thông (D-4), ngoại trừ Học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông (D-4-3), họ trở thành người mua bảo hiểm sáu tháng sau ngày nhập cảnh.
- ☞ Tùy theo từng trường hợp, có thể cần phải nộp các giấy tờ sau để trở thành người mua Bảo hiểm y tế quốc gia:
 - Giấy tờ xác nhận quan hệ gia đình, kết hôn hoặc ly hôn (chỉ dành cho các thành viên gia đình)
 - Giấy tờ xác nhận mức thu nhập và tài sản, bao gồm:
 - Giấy chứng nhận thu nhập, bảng kê chi trả lương hưu
 - Hợp đồng Jeonse hoặc Wolse, sổ đăng ký nhà, sổ đăng ký đất đai
 - Giấy chứng nhận đăng ký xe
 - Giấy chứng nhận ngừng kinh doanh, giấy chứng nhận tạm ngừng kinh doanh
 - Giấy tờ chứng minh bị sa thải (nghỉ hưu) do nguồn trả thu nhập cấp
 - Giấy chứng nhận kiểm kê hàng hóa (xác nhận việc bỏ một chiếc xe), v.v.

- Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài (1 bản sao)
- Giấy chứng nhận nhập cảnh hoặc giấy chứng nhận nhập học (1 bản sao)

Tiêu chuẩn tính phí bảo hiểm y tế

☞ Phí bảo hiểm dành cho sinh viên quốc tế được tính dựa trên tiêu chí giống như người mua bảo hiểm trong quận (công dân Hàn Quốc), coi mỗi cá nhân như một hộ gia đình riêng biệt.

☞ Đối với sinh viên có tư cách lưu trú là Sinh viên (D-2) hoặc Thực tập sinh phổ thông (D-4), phí bảo hiểm y tế sẽ được giảm theo tỷ lệ sau dựa trên kết quả phân loại.

1. Phí bảo hiểm hàng tháng từ tháng 03/2021 đến tháng 02/2022: 70% trên tổng số

2. Phí bảo hiểm hàng tháng từ tháng 03/2022 đến tháng 02/2023: 60% trên tổng số

3. Phí bảo hiểm hàng tháng từ tháng 03/2023 trở đi: 50% trên tổng số

※ Nguồn: [Đăng ký bảo hiểm y tế] Giải đáp 100 câu hỏi trên trang web Thông tin pháp lý về cuộc sống dễ tiếp cận của Bộ Pháp luật Chính phủ

* Trung tâm Khiếu nại Dân sự Người nước ngoài đang hoạt động thuộc Bảo hiểm Y tế Quốc gia

1 Thắc mắc: 1577-1000 hoặc 033-811-2000 (có dịch vụ tư vấn bằng tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Uzbek)

Méo. Cổng thông tin y tế khẩn cấp (E-GEN)

Trung tâm Y tế Khẩn cấp Quốc gia thu thập và cung cấp thông tin điều trị từ các cơ sở y tế và cơ sở y tế khẩn cấp thông qua Cổng thông tin y tế khẩn cấp E-Gen (<https://www.e-gen.or.kr>) và Dịch vụ thông tin y tế khẩn cấp (ứng dụng) dành cho dịch vụ thông tin cho các cơ quan liên quan và công chúng.

The screenshot shows the main interface of the E-GEN website. At the top, there's a navigation bar with links for 'Intro', 'NEMC', 'E-Gen', '종득정보' (Jungdeok Information), '달빛어린이병원' (Dalgibat Children's Hospital), '응급의료모니터링' (Emergency Medical Monitoring), '응급의료통계' (Emergency Medical Statistics), '고객센터' (Customer Service), '사이트맵' (Site Map), 'ENG', '통합검색' (Unified Search), and 'Search'. A magnifying glass icon is also present.

The main content area features several cards:

- 응급실 찾기**: A map of South Korea with a blue marker over Seoul, and a search bar below it.
- 병원·약국 찾기**: A search bar with placeholder text '지역 선택 또는 병원명으로 검색' (Select region or hospital name).
- 누구든! 언제든! 어디서든!**: A large banner for the '응급의료정보제공 서비스' (Emergency Medical Information Provision Service) featuring icons for a smartphone, a heart, a hospital, and a car.
- 민간구급차 검색**: A card showing a map with a green marker and a search bar for '주변의 민간구급차 정보를 알려드립니다.' (Information about nearby private ambulances).
- 자동심장충격기**: A card with a green background and a heart icon, listing items: '자동심장충격기 찾기', '자동심장충격기 사용법', and '홍보 동영상'.
- 홍보자료**: A card with a blue background and a video camera icon, listing items: '제2회 응급의료 주간(대형병원 응급실은 충증응급환자에게)', '제3회 응급의료 대표캐릭터 공개', and '제2회 응급의료 주간(대형병원 응급실은 충증응급환자에게)'.
- 공지사항**: A card with a purple background and a document icon, listing items: '제2회 응급의료 주간(대형병원 응급실은 충증응급환자에게)', '제3회 응급의료 대표캐릭터 공개', and '제2회 응급의료 주간(대형병원 응급실은 충증응급환자에게)'.

On the right side, there's a sidebar with various links and icons:

- 설문조사 (Surveys)
- FAQ
- ↑ TOP
- NEMC
- 내 주변 보 (Nearby information)
- 달빛 어린이병원 (Dalgibat Children's Hospital)
- 보건복지부 응급 의료 기관 평가 결과 (Ministry of Health and Welfare Emergency Medical Institution Evaluation Results)
- NEDIS 자료신청 (NEDIS Data Application)
- 응급의료 정보제공 APP다운로드 (Emergency Medical Information Provision APP Download)
- 업무 지원안내 상담 가능 시간 (Business Support Consulting Hours: 08:00~12:00, 14:00~19:00)

III. Lấy giấy phép lái xe

Thủ tục lấy bằng lái xe Hàn Quốc



Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Hàn Quốc có thể lấy bằng lái xe theo thủ tục nêu trên và trong kỳ thi của sở, họ có thể trả lời các câu hỏi bằng bất kỳ ngôn ngữ nào có sẵn (tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung hoặc tiếng Việt).

Đổi bằng lái xe nước ngoài lấy bằng lái xe trong nước

Mặc dù bằng lái xe nước ngoài không có giá trị để lái xe ở Hàn Quốc nhưng người có bằng lái xe nước ngoài do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp có thể nộp đơn xin đổi và cấp bằng lái trong nước thông qua quá trình gia hạn.

※ Nguồn: Khiếu nại dân sự tổng hợp Safe Driving (<https://www.safedriving.or.kr>) SĐT: 1577-1120

Mẹo. Pháp luật và thông tin liên quan đến việc lấy bằng lái xe ở Hàn Quốc
(<https://zrr.kr/4ff0>)

IV. Dịch vụ ngân hàng

Tại Hàn Quốc, có thể nhận được nhiều sản phẩm và dịch vụ tài chính khác nhau, bao gồm gửi tiền, ký quỹ và bảo hiểm thông qua nhiều tổ chức tài chính. Tuy nhiên, tất cả các giao dịch tài chính đều phải tuân theo các quy định tương đối nghiêm ngặt ở Hàn Quốc và trong một số trường hợp, giao dịch tài chính của người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc có thể bị hạn chế theo các quy định này. Đặc biệt trong các giao dịch ngoại hối, tùy thuộc vào loại giao dịch, có thể yêu cầu các giấy tờ cần thiết và áp dụng giới hạn giao dịch. Vì vậy, bạn cần phải nắm rõ các quy định liên quan. Giờ làm việc chung của ngân hàng từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều.

1. Tạo sổ ngân hàng (Mở tài khoản ngân hàng)

Tạo sổ ngân hàng hay còn gọi là mở tài khoản ngân hàng có thể được thực hiện bằng cách đến ngân hàng và làm theo hướng dẫn của nhân viên ngân hàng.



Quy trình tạo sổ ngân hàng ————— · · ·

Các mục bắt buộc

Thẻ căn cước (hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài hoặc thẻ đăng ký cư trú), con dấu (chữ ký), giấy tờ chứng minh mục đích giao dịch tài chính



Bốc số chờ

Lấy số từ máy in vé xếp hàng và đợi cho đến khi số của bạn hiển thị trên bảng hướng dẫn.



Trao đổi với nhân viên ngân hàng

Thông báo cho nhân viên ngân hàng rằng bạn đến để tạo sổ ngân hàng (mở tài khoản ngân hàng) và nếu cần, hãy đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến và thẻ rút tiền mặt (thẻ cho phép gửi và rút tiền mặt bằng ATM).



Điền vào đơn đăng ký

Cung cấp các thông tin chính xác như số đăng ký cư trú (số đăng ký người nước ngoài), ngày sinh, địa chỉ, thông tin liên hệ và đóng dấu (chữ ký).



Chọn mật khẩu

Đặt mật khẩu gồm 4 chữ số cho sổ ngân hàng và thẻ rút tiền.



Xác nhận phát hành

Ghi lại số ngân hàng và thẻ rút tiền đã được phát hành.

Thủ tục cấp chứng nhận chung

Các mục bắt buộc

ID người dùng: ID được tạo khi đăng ký ngân hàng trực tuyến.

- Số tài khoản, mật khẩu tài khoản, số đăng ký cư trú (số đăng ký người nước ngoài).
 - Mật khẩu chuyển khoản, thẻ bảo mật hoặc OTP, thiết bị lưu trữ di động.



Truy cập trang web của ngân hàng
Truy cập trang web của ngân hàng
qua Internet.



Vào Trung tâm xác thực và chọn “Phát hành”



Lựa chọn chứng nhận chung
Chọn Chứng nhận chung cho ngân hàng/thẻ tín dụng/bảo hiểm. Miễn phí phí phát hành.

yessign 공동인증서 발급에 따른 개인정보 수집 및 이용 동의

금융결제원 인증서 발급을 위해 개인정보 수집 및 이용 동의(동의합니다)

금융결제원은 인증서 발급 날짜와 관계없이 인증서비스 인증을 확보 및 고객 자신의 보호를 위해 다음과 같이 개인정보를 수집, 이용하고자 합니다.

개인정보 수집 대상 내용(필수사항)

항목	목적	보유기간
인증서 파일 탈퇴, 인증서 부정발급 및 부정 사용 확인 여부 등	인증서 파일 탈퇴, 인증서 부정발급 및 부정 사용 확인 여부 등	4년 3개월

위의 "yessign" 공동인증서 발급에 따른 개인정보 수집 및 이용에 동의합니다.

yessign 공동인증서 발급에 따른 개인정보 제3자 제공에 대한 동의

금융결제원은 인증서 발급 날짜와 관계없이 인증서비스 인증을 확보 및 고객 자신의 보호를 위해 다음과 같이 개인정보를 제공하고자 합니다.

개인정보 제3자 제공 내용

제공하는 자	제공 목적	제공 항목	보유기간
인증서 파일 탈퇴, 인증서 부정 사용 확인 여부 등	인증서 파일 탈퇴, 인증서 부정 사용 확인 여부 등	인증서 파일 탈퇴, 인증서 부정 사용 확인 여부 등	4년 3개월

위의 "yessign" 공동인증서 발급에 따른 개인정보 제3자 제공에 대한 동의합니다.

현재 약관에 동의합니다.

위 내용에 동의하여 공동인증서를 발급받으시겠습니까?

Đồng ý với các điều khoản
Đọc và đồng ý với các điều khoản.

개인인증센터 [인터넷인증서]

개인 기밀 번역애플리케이션센터 개인인증서 관리설정 | 캐드 인증서 | 부동산

공동인증서(구 공인인증서) | 금융인증서 | 스마트폰공동인증서 | 영수증/세금계산서 | 우대인증서/서명

승인현황 | 공동인증서(구 공인인증서) | 공동인증서발급/폐기등급

로그인 | 도움말 | 회원가입

개인인증서발급/폐기등급

사용자 본인확인

사용자 본인확인

이용자 ID: ID를 잊으셨나요? ID 조회 버튼

주민등록번호: 주민등록번호 입력

알아두세요!

- 인터넷뱅킹 서비스는 영업장에서는 신청하실 수 있습니다.
- 영업점 방문시 토포서는 자체화보기

다 158-5006 | 기관번호: LANGUAGE | 패밀리사이트 |

온라인 | 영업점내 | 고객문 | 개인정보처리방법 | 신용정보활용제한 | 개인정보보호지침 | 사고신고 | 전자인증서 | 모바일금융제휴부 | 금융감시 | 보안센터 | 웹접근권 이용안내

KSCetRelay(ICR) V2.1.20

검사/인증/금융감독원 요청에 의해
인터넷뱅킹을 위해 인증서를 간접으로
보내드립니다. 인증서가 필요하시면
인터넷뱅킹을 이용해주세요.

기본선택
 인증서내보내기
 인증서내보내기

저장매체
하드디스크

구분
구분 사용자

인증서가져오기
인증서 저장 경로를 설정해주시키 바랍니다.
 하드디스크 이동식디스크

인증서 입력 (전자서명)
공동인증서(구 공인인증서) | 금융인증서

인증서 열기 | 인증서생성 | 하드디스크 | 폴더 이동식디스크 | 디지털증명 | 인증서삭제 | 인증서생성

구분
구분 사용자
인증일
2023-06-21
발급자
관공인증서

인증서 열기

Người dùng tự xác minh
Làm theo hướng dẫn để nhập số
đăng ký cư trú (số đăng ký người
nước ngoài), số tài khoản, mật
khẩu tài khoản và số trên thẻ bảo
mật hoặc OTP. Thực hiện quy trình
tự xác minh.Tùy thuộc vào ngân
hang, quy trình tự xác minh có thể
xuất hiện đầu tiên.

Chọn vị trí lưu trữ và nhập mật khẩu của
chứng nhận chung

Khi chọn vị trí lưu trữ di động (USB) sẽ an toàn
hơn so với trên máy tính.

Vì mật khẩu Chứng nhận chung là thông tin
quan trọng trong các giao dịch tài chính nên
hãy tạo mật khẩu kết hợp các chữ cái, chữ số
và ký tự đặc biệt trong bảng chữ cái tiếng Anh
để người khác khó đoán ra.

Tránh sử dụng thông tin cá nhân như số đăng
ký cư trú (số đăng ký người nước ngoài), ngày
sinh, số điện thoại, v.v. của chính bạn làm mật
khẩu.

※ Nguồn: Trung tâm Giáo dục Tài chính Điện tử thuộc Dịch vụ Giám sát Tài chính (<https://www.fss.or.kr/edu>)

2. Chuyển tiền

Khi người nước ngoài muốn gửi tiền ra nước ngoài, họ có thể thực hiện tại ngân hàng gần đó. Có thể thực hiện chuyển tiền thông qua ngân hàng giao dịch ngoại hối và có thể chuyển tiền ra nước ngoài mà không cần chứng từ với giới hạn hàng năm là 100.000 USD. Nếu số tiền vượt quá 100.000 USD thì bạn phải nộp các giấy tờ theo yêu cầu của ngân hàng. Vì phí có thể thay đổi tùy theo ngân hàng nên bạn nên kiểm tra trước khi thực hiện chuyển tiền.

Mẹo. Ngăn chặn thiệt hại do tội phạm tài chính

- Luôn nghi ngờ các yêu cầu về số tài khoản ngân hàng, số thẻ, mật khẩu, v.v. qua điện thoại, vì điều này có thể cho thấy lừa đảo bằng giọng nói. Ngoài ra, hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo rằng sinh viên quốc tế không dính líu đến tội phạm lừa đảo bằng giọng nói.
- Quản lý cẩn thận ID và mật khẩu của bạn liên quan đến ngân hàng trực tuyến, đảm bảo chúng không bị tiết lộ cho người khác. Ngoài ra, hãy quản lý chặt chẽ Chứng nhận chung của bạn.

3. Đổi tiền tệ

Ngoại tệ hoặc séc du lịch có thể được đổi dễ dàng tại các ngân hàng ở Hàn Quốc và các quầy đổi tiền đặt tại sân bay. Tuy nhiên, vì các loại tiền tệ sẵn có để đổi có thể khác nhau tùy theo ngân hàng, bạn nên hỏi lại ngân hàng trước khi đổi số tiền lớn hoặc sang loại tiền tệ khác ngoài đô la. Ngoài ra, nhìn chung, sử dụng ngân hàng điện tử để đổi tiền có lợi hơn do được tính theo tỷ giá hối đoái thuận lợi. Vậy nên, sử dụng phương thức này cũng là một lựa chọn tốt.

Mẹo. Đơn vị tiền tệ ở Hàn Quốc



1 KRW



10 KRW



50 KRW



100 KRW



500 KRW



1,000 KRW



5,000 KRW



10,000 KRW



50,000 KRW

V. Kích hoạt điện thoại di động

Bạn có thể kích hoạt ngay điện thoại di động bằng cách chuẩn bị các loại giấy tờ cần thiết và đến đại lý điện thoại di động gần đó. Các yêu cầu cần thiết để kích hoạt điện thoại di động bao gồm Thẻ đăng ký người nước ngoài (có sẵn cho các gói trả sau), hộ chiếu (có sẵn cho các gói trả trước), ID sinh viên và thẻ tín dụng hoặc tiền mặt cho các chi phí liên quan đến thuê bao hoặc thiết bị điện thoại.

Các loại giấy tờ cần thiết có thể khác nhau tùy thuộc vào công ty dịch vụ viễn thông, vì vậy bạn nên hỏi trước công ty mong muốn. Mỗi công ty dịch vụ viễn thông cung cấp các gói cước khác nhau dựa trên lối sống và cách sử dụng đa dạng của khách hàng. Ngoài ra, bạn có thể sử dụng dữ liệu và dịch vụ bổ sung thông qua các gói cước của ba công ty viễn thông lớn và gói cước tiết kiệm của bưu điện. Vậy nên, hãy tìm kiếm qua các trang công thông tin để biết thêm chi tiết.

Số điện thoại hỗ trợ ngoại ngữ của từng công ty dịch vụ viễn thông



SKT: 080-011-6000

Sau khi gọi tới bộ phận chăm sóc khách hàng, hãy yêu cầu trao đổi bằng dịch vụ ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật



KT: 02-2190-1180

Nhóm phục vụ riêng người nước ngoài: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật



LG: 1544-0010

Sau khi gọi tới bộ phận chăm sóc khách hàng, hãy yêu cầu trao đổi bằng dịch vụ ngoại ngữ: tiếng Anh



VI. Dịch vụ bưu chính

1. Dịch vụ bưu chính

Để gửi thư, bưu thiếp hoặc bưu kiện nhỏ, bạn có thể gửi chúng tới hộp thư gần đó hoặc trực tiếp ra bưu điện địa phương để gửi. Đối với phong bì hoặc bưu thiếp không có kích thước tiêu chuẩn, bạn cần phải ra bưu điện. Khi gửi thư hoặc bưu kiện, hãy nhớ ghi địa chỉ và mã bưu chính ở bên ngoài phong bì. Dịch vụ logistics không chỉ giới hạn ở mỗi bưu điện, mà cũng có sẵn thông qua DHL, Federal Express, UPS và các công ty chuyển phát nhanh.

(1) Thư nội địa

Khi bạn đến bưu điện địa phương, bạn sẽ tìm thấy danh bạ mã bưu chính trên toàn quốc. Sau khi ghi mã bưu chính của người nhận, hãy dán tem bưu chính dựa trên quy cách của phong bì và trọng lượng của thư. Nếu chọn gửi thư bảo đảm tại quầy, bạn sẽ nhận được biên nhận; mặc dù thư bảo đảm đắt hơn nhưng cho phép bạn theo dõi lộ trình thư của mình vì quá trình chấp nhận và chuyển phát sẽ được ghi lại.

► Thông tin bưu điện

Trung tâm Chăm sóc Khách hàng Bưu chính: 1588-1300

Giờ hoạt động: Các ngày trong tuần 09:00-18:00 / Thứ Bảy 09:00-13:00

Bưu phí và Lệ phí

Tên	Thành phần	Cân nặng	Giá cước thư thông thường
Thư thông thường	Thư tiêu chuẩn	Tối đa 5g	400 KRW
		5g đến 25g	430 KRW
		25g đến 50g	450 KRW
	Thư không tiêu chuẩn	Tối đa 50g	520 KRW
	50g đến 1kg	Thêm 120 KRW cho mỗi 50g cộng thêm	
	1kg đến 2kg	Thêm 120 KRW cho mỗi 200g cộng thêm	
	2kg đến 6kg	Thêm 400 KRW cho mỗi 1kg cộng thêm	

※ Đối với trọng lượng vượt quá 50g, áp dụng cho thư không tiêu chuẩn (Tham khảo "Tiêu chuẩn thư" để biết các tiêu chuẩn).

※ Thư chuyển phát nhanh nội địa có trọng lượng lên tới 30kg (tính thêm 400 KRW cho mỗi 1kg cộng thêm khi vượt quá 6kg).

※ Bưu thiếp không tiêu chuẩn có trọng lượng lên tới 50g bị tính phí 450 KRW (mức phí cho phong bì tiêu chuẩn có trọng lượng từ 25g đến 50g).

(2) Thư quốc tế

Để gửi thư ra nước ngoài, bạn cần ra quầy bưu điện để nhận. "Dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS)" là dịch vụ bưu chính quốc tế chuyển thư, tài liệu và bưu kiện khẩn cấp ra nước ngoài một cách an toàn nhất, hoạt động theo các thỏa thuận đặc biệt giữa bưu điện với các cơ quan bưu chính nước ngoài đáng tin cậy. Ghi chính xác địa chỉ, tên, số điện thoại, mô tả thành phần, số lượng, giá của thành phần trong gói hàng, v.v. vào mẫu đơn yêu cầu gửi hàng và dán lên thư để gửi đi. Cước phí sẽ thay đổi tùy thuộc vào loại và trọng lượng thư, bao gồm thư, bưu thiếp, thư đường hàng không,

ấn phẩm in và bưu kiện, vì vậy hãy nhớ kiểm tra. Sau khi gửi thư quốc tế (EMS, thư đường hàng không, thư bảo đảm), bạn có thể theo dõi trạng thái chuyển phát thông qua Trung tâm dịch vụ khách hàng bưu chính (1588-1300) và trang web EMS của bưu điện (<https://ems.epost.go.kr>).

Các món đồ được phép và bị cấm vận chuyển quốc tế

Các món đồ được phép	Các món đồ bị cấm
<ul style="list-style-type: none"> Thư, các loại tài liệu, quà tặng và hàng hóa có thể được gửi với trọng lượng tối đa là 30kg. Tuy nhiên, một số quốc gia như Tây Ban Nha, Argentina, Bangladesh có thể giới hạn trọng lượng xử lý từ 20kg trở xuống. Bạn có thể kiểm tra thông tin chi tiết về các món đồ bị cấm ở từng quốc gia đến trên trang web của bưu điện. Thông báo chính thức (giấy tờ liên quan đến kinh doanh) Giấy tờ thương mại (chứng từ thương mại) Dữ liệu máy tính Thanh toán bù trừ (séc trao đổi giữa các tổ chức tài chính) Vật mẫu kinh doanh (mẫu hàng hóa) Băng từ và vi phim Hàng hóa (một số quốc gia có thể cấm một số mặt hàng nhất định) 	<ul style="list-style-type: none"> Các mặt hàng bị Liên minh Bưu chính Thế giới cấm (theo Điều 25 của Hiệp định UPU: Chung cho bưu kiện và thương mại) Thuốc gây nghiện, chất hướng thần, chất nổ, dễ cháy hoặc các vật liệu nguy hiểm khác, chất phóng xạ, tài liệu tục tĩu hoặc vô đạo đức Các mặt hàng bị hạn chế nhập khẩu hoặc phân phối bởi quốc gia đến Thực phẩm (đặc biệt là kim chi), thuốc đông y, thực vật và động vật, nấm tùng nhung Các món đồ, do tính chất của thành phần hoặc bì của chúng, có thể gây rủi ro cho nhân viên bưu chính, làm ô nhiễm thư hoặc thiết bị bưu chính khác hoặc gây hư hỏng <p><Các món đồ bị cấm khác></p> <ul style="list-style-type: none"> Tiền pháp định như tiền đúc, tiền giấy, tiền xu và tiền tệ, hóa đơn chuyển tiền, các loại chứng khoán khác nhau phải trả cho người cầm giữ, séc du lịch, vàng và bạc đã hoặc chưa qua chế biến, đồ trang sức và kim loại quý, thẻ tín dụng, vé máy bay và thẻ Eurail Pass

※ Nếu gửi các món đồ bị cấm, chúng có thể bị tịch thu và có thể bị áp thuế bổ sung. Điều cần thiết là phải xác nhận xem các món đồ có được phép hay không trước khi gửi đi.

2. Dịch vụ chuyển phát nhanh

Dịch vụ chuyển phát nhanh gửi trực tiếp đến người nhận với mức giá đắt hơn thư thông thường, nhưng lại có ưu điểm là chuyển phát an toàn và nhanh chóng. Ngoài ra, do thông tin liên hệ của người nhận được cung cấp nên nguy cơ mất mát sẽ thấp hơn. Cho dù đó là tài liệu, gói hàng nhỏ hay món đồ nặng hơn, chỉ một cuộc điện thoại là bắt đầu quá trình; nhân viên chuyển phát trực tiếp đến địa điểm người gửi để nhận hàng rồi bắt đầu giao hàng trên toàn quốc, bắt đầu từ ngày hôm sau (trừ ngày lễ, ngày tưởng niệm, v.v.; một số khu vực, hải đảo, miền núi hoặc những nơi giao thông không thuận tiện có thể làm chậm thời gian giao hàng 1 đến 2 ngày).

Ngoài ứng dụng điện thoại, khách hàng cũng có thể đặt trước dịch vụ bằng cách đăng ký trên trang web của các công ty chuyển phát nhanh. Phí chuyển phát nhanh tùy thuộc vào khu vực giao hàng, loại và kích thước mặt hàng, tình trạng hàng hóa, số lượng, v.v. Bạn có thể tìm thấy thông tin chi tiết trên trang web của các công ty chuyển phát nhanh tương ứng.

Dịch vụ chuyển phát nhanh bưu điện:

- Đối với Dịch vụ chuyển phát nhanh bưu điện, khách hàng có thể trực tiếp đến bưu điện để đăng ký và thời gian chuyển phát sẽ bắt đầu vào ngày hôm sau sau khi nhận hàng. Trong trường hợp ở đảo Jeju, thời gian giao hàng sẽ được thực hiện 2 ngày sau ngày nhận hàng (D+2 ngày).
- Phí được xác định bằng cách lấy giá trị lớn hơn của trọng lượng hoặc kích thước, dựa trên các bậc sau đây, với kích thước (tổng chiều rộng, chiều dài và chiều cao) không vượt quá 160cm. Trọng lượng được xử lý lên tới 30kg và chiều dài tối đa của một cạnh bất kỳ không được vượt quá 100cm.
- Trong cùng khu vực nghĩa là các khu vực có bước giao hàng và thu gom trong cùng một tỉnh/ thành phố; bưu kiện được nhận tại Đảo Jeju và gửi đến các khu vực khác phải chịu phí áp dụng cho Đảo Jeju.

3. Dịch vụ hỏa tốc

Dịch vụ hỏa tốc giao hàng thậm chí còn nhanh hơn cả dịch vụ chuyển phát nhanh, sử dụng xe máy và phương tiện để giao hàng trực tiếp đến người nhận trong vòng 24 giờ. Tuy nhiên, do khu vực giao hàng bị hạn chế nên việc giao hàng toàn quốc, như dịch vụ chuyển phát nhanh, có thể gặp nhiều thách thức. Nhiều nhà cung cấp Dịch vụ hỏa tốc cho phép đặt trước và thu tiền qua Internet và điện thoại, cung cấp dịch vụ 24/7 quanh năm. Các phương thức thanh toán khác nhau tùy theo công ty và có thể bao gồm tiền mặt, thẻ tín dụng, thanh toán qua thiết bị di động và gửi tiền không cần số ngân hàng. Phí sử dụng được xác định dựa trên khoảng cách giữa người gửi và người nhận, loại và trọng lượng của món đồ. Bạn có thể xem thông tin chi tiết về phí trên trang web của mỗi công ty.



VII. Hướng dẫn tái chế riêng biệt

► Hướng dẫn bô rác thải đúng cách (Có thể không thu gom nếu không phân loại đúng cách)



Hướng dẫn tái chế riêng biệt

Hãy đảm bảo phân loại và đặt các món đồ có thể tái chế vào thùng tái chế theo quy định.

Chai PET (Đồ uống/Nước)



Bô riêng các chai trong suôt và có màu vào các thùng theo quy định.

Hộp các tông



Báo và sách nhỏ



Thùng các tông



Đồ nhựa



Trước khi vứt bỏ, hãy phân loại đồ nhựa theo chất liệu:
- Hộp đựng đồ uống > Tháo nắp giấy bạc.
- Khăn ướt > Tháo rời nắp ra.

Khác



Phương pháp xử lý riêng biệt đối với rác thải thiết bị điện (lớn/nhỏ) (Thu gom miễn phí)

Các món đồ hợp lệ

LỚN

Tủ lạnh, Máy giặt, Máy điều hòa, TV, Máy bán hàng tự động, Máy chạy bộ, Máy in, Máy lọc nước điện, Máy lọc không khí, Lò vi sóng, Máy rửa chén, Máy nước nóng/lạnh, Máy hút ẩm, v.v.

NHỎ

Nồi cơm điện, Máy hút bụi, Máy tạo ẩm, Máy tính xách tay, Máy sấy tóc, Quạt điện, Bàn ủi, Máy ép trái cây (Máy xay sinh tố), Điện thoại di động (Pin), Vải xịt vệ sinh, v.v.

Phương thức vứt bỏ

Phương thức đặt trước dịch vụ (Ứng dụng riêng lẻ của Đơn vị xử lý)

1. Điện thoại tổng đài: 1599-0903 (Các ngày trong tuần 08:00-18:00) 2. Trang web trực tuyến: www.15990903.or.kr

* Các đồ vật trên bô: Bô PC (Thân chính + Màn hình), Bô âm thanh: Đối với các thiết bị nhỏ, cần có tối thiểu 5 món cầu thi mới được yêu cầu vứt bỏ.

Chất thải lớn

Chăn điện/Thảm sưởi/Thiết bị chiếu sáng/Nhạc cụ/Ghế massage điện/Nội thất (tú quần áo, giường, nệm, v.v.).

Tùy thuộc vào đơn ký túc của cá nhân gửi cho chính quyền địa phương về Chất thải lớn

(Nếu có thắc mắc, hãy liên hệ với bộ phận vệ sinh liên quan của Văn phòng Gyeonggi- hoặc Gyeonggi- của quận)

* Tinh phí xử lý riêng.

Guide 4

Phụ lục

#Thông tin hữu ích



Ngày lễ quốc gia	64
Tiếng Hàn thực tế	65
Giới thiệu Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia	66
Thông tin liên lạc khẩn cấp	67
Thông tin liên hệ của Đại sứ quán nước ngoài tại Hàn Quốc	68

Ngày lễ quốc gia

Ngày	Tên ngày lễ
Ngày 1 tháng 1	Tết Dương Lịch
Ngày 1 tháng 1 (Âm lịch)	Tết Nguyên Đán
Ngày 1 tháng 3	Ngày Phong trào Độc lập
Ngày 8 tháng 4 (Âm lịch)	Ngày sinh Đức Phật
Ngày 5 tháng 5	Ngày Trẻ em
Ngày 6 tháng 6	Ngày kỷ niệm
Ngày 15 tháng 8	Ngày giải phóng
Ngày 15 tháng 8 (Âm lịch)	Lễ Tạ ơn của Hàn Quốc
Ngày 3 tháng 10	Ngày Quốc khánh
Ngày 9 tháng 10	Ngày Tuyên bố Hangul
Ngày 25 tháng 12	Ngày Giáng Sinh

※ Ngày nghỉ thay thế: Nếu ngày nghỉ theo "Đạo luật về ngày nghỉ lễ" rơi vào thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ khác thì một ngày nghỉ lễ thay thế có thể được chỉ định và thực hiện.



Tiếng Hàn thực tế

Tiếng Việt	Tiếng Hàn (Cách nói bằng tiếng Hàn)
Xin chào	안녕하세요. (an-nyeong-ha-se-yo)
Bạn tên gì?	이름이 뭐예요? (i-reum-i mue-e-yo?)
Tôi tên là ...	제 이름은 ...입니다. (je i-reum-eun ... im-ni-da)
Bạn đến từ đâu?	어디서 오셨어요? (Eo-di-seo o-syeo-sseo-yo?)
Tôi đến từ ...	저는 ...에서 왔어요. (Jeo-neun ... e-seo wa-sseu-yo)
Rất vui được gặp bạn	만나서 반갑습니다. (Man-na-seo ban-gap-seum-ni-da)
Tạm biệt	안녕히 계세요. (an-nyeong-hi gye-se-yo) - bạn sắp rời đi 안녕히 가세요. (an-nyeong-hi ga-se-yo) - bạn đang ở lại 모르겠습니다. (mo-reu-ge-sseum-ni-da)
Tôi không hiểu	한국말 하실 줄 아세요? (han-guk-mal ha-sil jul a-se-yo?)
Bạn có nói tiếng Hàn Quốc không?	예, 조금요. (yaе, jo-geum-yo) ...를 한국말로 어떻게 말해요? (... reul han-guk-mal-lo eo-tteo-ke ma-rae-yo?)
Có, biết một chút	실례하겠습니다! (shil-le-ha-ge-ssum-ni-da)
Bạn nói điều này ... như thế nào bằng tiếng Hàn?	이거 얼마예요? (i-geo eol-ma-ye-yo?)
Xin lỗi, cho tôi hỏi	미안합니다! (mi-an-ham-ni-da)
Giá cái này bao nhiêu?	감사합니다. (kam-sa-ham-ni-da)
Rất tiếc/Xin lỗi	좀 도와주실 수 있나요? (jom do-wa-ju-shil ssu in-na-yo?)
Cảm ơn	(화장실/약국)이 어디예요? (Hwa-jang-shil/yak-kuk)-i oe-di-ye-yo?
Bạn có thể giúp tôi được không?	다시 한 번 말씀해 주시겠어요? (da-shihan-ben mal-sseum-hae-ju-shi-ge-sse-yo?)
(Nhà vệ sinh/nhà thuốc) ở đâu?	천천히 말씀해 주시겠어요? (Cheon-cheo-ni mal-sseum-hae ju-shi-ge-sse-yo?)
Bạn có thể nói lại không?	적어 주세요! (jeok-eo ju-se-yo!)
Bạn có thể nói chậm lại không?	이게 뭐예요? (i-ge mue-ye-yo?)
Hãy viết nó ra!	저는 한국말 잘 못해요. (jeo-neun han-gung-mal jal-mo-tae-yo.)
Này là gì vậy?	네/아니요 (Ne/A-ni-yo)
Tôi nói tiếng Hàn tệ lắm.	
Có/Không	

Giới thiệu Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia

Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia



Cơ quan điều hành này liên kết với Bộ Giáo dục đóng vai trò quan trọng là một tổ chức hàng đầu trong việc bồi dưỡng nhân tài toàn cầu, thúc đẩy trao đổi và hợp tác giáo dục quốc tế.

Các chương trình chính



① Study in Korea (Du học Hàn Quốc)

- Tổ chức Hội chợ giáo dục Study in Korea và điều hành trang web Study in Korea để thu hút nhiều sinh viên quốc tế hơn.
- * Hội chợ giáo dục Study in Korea ⇨ Tổ chức các hội chợ riêng phù hợp với từng quốc gia, hội chợ khu vực phối hợp với chính quyền địa phương, hội chợ chuyên ngành dành cho các trường cao đẳng và hội chợ theo chủ đề.
- ** Trang web Study in Korea (www.studyinkorea.go.kr) ⇨ Cung cấp dịch vụ toàn diện về đăng ký nhập học trực tuyến và thông tin về du học Hàn Quốc.
- Vận hành Trung tâm Dịch vụ Sinh viên Quốc tế* để cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế riêng về con đường sự nghiệp và việc làm.
- * Các ngôn ngữ có sẵn (8 thứ tiếng): tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Indonesia, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Mông Cổ, tiếng Pháp



② Chương trình học bổng Hàn Quốc toàn cầu (Chương trình GKS)

- Cấp học bổng cho sinh viên nước ngoài xuất sắc để hỗ trợ việc học tại các cơ sở giáo dục đại học tại Hàn Quốc, góp phần bồi dưỡng các nhân tài toàn cầu yêu mến Hàn Quốc và thích tiếng Hàn.
- Các chương trình dài hạn ⇨ Hỗ trợ các chương trình tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và liên kết.
- Các chương trình ngắn hạn ⇨ Hỗ trợ trao đổi cho sinh viên nước ngoài xuất sắc.
- Hướng dẫn tuyển sinh: <https://www.studyinkorea.go.kr> → K Scholarship → GKS Notice



③ Triển khai Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)

- Tổ chức Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) để đánh giá trình độ tiếng Hàn của người Hàn Quốc ở nước ngoài và người nước ngoài.

Điều kiện	Người Hàn Quốc ở nước ngoài và người nước ngoài không phải là người nói tiếng Hàn bản xứ.
Mục đích kiểm tra	Nhập học các trường đại học, việc làm và xác minh trình độ tiếng Hàn.
Lĩnh vực đánh giá	TOPIK I (Sơ cấp)/ TOPIK II (Trung cấp, Nâng cao)/ Thi nói TOPIK

- Trang web chính thức: <https://www.topik.go.kr>

Thông tin liên lạc khẩn cấp

Báo cáo tội phạm & Cuộc gọi khẩn cấp

Báo cáo tội phạm (Cơ quan Cảnh sát Quốc gia)	112
Trung tâm Báo cáo Bạo lực Học đường (Cơ quan Cảnh sát Quốc gia)	117
Báo cáo hỏa hoạn, bệnh nhân cấp cứu, cứu hộ (Cơ quan Cứu hỏa Quốc gia)	119
Báo cáo xâm nhập, gửi thư rác, vi phạm thông tin cá nhân (Cơ quan An ninh và Internet Hàn Quốc)	118
Đường dây nóng tư vấn khẩn cấp dành cho phụ nữ (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình)	1366
Tổng đài Danuri (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình)	1577-1366

Các khiếu nại dân sự khác trong cuộc sống hàng ngày

Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Tổng hợp (Bộ Tư pháp)	1345
Tổng đài Thông tin Khiếu nại Dân sự Chính phủ (Bộ Hành chính và An ninh)	110
Thông tin du lịch nước ngoài (Tổ chức Du lịch Hàn Quốc)	1330
Báo cáo và tư vấn vi phạm nhân quyền (Ủy ban Nhân quyền Quốc gia Hàn Quốc)	1331
Tư vấn pháp luật (Dịch vụ Hỗ trợ Pháp lý Hàn Quốc)	132
Cơ quan Bảo vệ Trẻ em (Bộ Y tế và Phúc lợi)	129
Đường dây nóng tư vấn mạng cho thanh thiếu niên (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình)	1388



Thông tin liên hệ của Đại sứ quán nước ngoài tại Hàn Quốc

Quốc gia	Số điện thoại	Email
Ghana	02-3785-1427	seoul@mfa.gov.gh / ghanaembassy.seoul.kr@gmail.com
Gabon	02-793-9575	ambagabonseoul@gmail.com
Guatemala	02-771-7582	embcorea@minex.gob.gt
Tòa Thánh	02-736-5725	anunciaturekr@gmail.com
Hy Lạp	02-729-1400	gremb.sel@mfa.gr / greekemb@naver.com
Nigeria	02-797-2370	chancery@nigerianembassy.or.kr
Nam Phi	02-2077-5900	political.seoul@dirco.gov.za
Hà Lan	02-311-8600	seo@minbuza.nl
Nepal	02-3789-9770	nepembseoul2015@gmail.com
Na Uy	02-727-7100	emb.seoul@mfa.no
New Zealand	02-3701-7700	nzembsel@mfat.net
Nicaragua	02-6272-1670	nicaseoul@gmail.com
Đan Mạch	02-6363-4800	selamb@um.dk
Cộng hòa Dominica	02-756-3513	info@embadomkr.gob.do
Đức	02-748-4114	info@seoul.diplo.de
Đông Timor	02-797-6151	tlembassy.seoul@gmail.com
Lào	02-796-1713	laoembassy.seoul@gmail.com
Latvia	02-2022-3800	embassy.seoul@mfa.gov.lv
Nga	02-318-2116	rembskorea@mid.ru / protokol.rembskorea@mid.ru
Liban	02-794-6482	seoul.leb@gmail.com
Rumani	02-797-4924	seoul@mae.ro
Rwanda	02-798-1052	infoseoul@embassy.gov.rw
Lybia	02-797-6001	libya.o.home@gmail.com
Litva	02-2031-3500	amb.kr@urm.lt
Đảo Marshall	02-6951-3181	info@rmiembassykr.com
Malaysia	02-2077-8600	mwseoul@kln.gov.my
Mexico	02-798-1694	embcorea@sre.gob.mx / contactocorea@sre.gob.mx
Maroc	02-793-6249	info@moroccoembassy.kr
Mông Cổ	02-798-3464	seoul@mfa.gov.mn
Hoa Kỳ	02-397-4114	embassyseoulpa@state.gov

Quốc gia	Số điện thoại	Email
Myanmar	02-790-3814	seoul-embassy@mofa.gov.mm
Bangladesh	02-796-4056	mission.seoul@mofa.gov.bd
Venezuela	02-732-1546	embavenezcorea@gmail.com
Việt Nam	02-720-5124	vietnamembassyseoul@gmail.com
Bỉ	02-749-0381	seoul@diplobel.fed.be
Belarus	02-2237-8171	korea@mfa.gov.by
Bolivia	02-318-1767	embolseul@gmail.com
Bulgaria	02-794-8625	embassy.seoul@mfa.bg
Brazil	02-738-4970	ambassador.seul@itamaraty.gov.br
Brunei	02-790-1078	seoul.korea@mfa.gov.bn / brunei.korea@gmail.com
Â Rập Saudi	02-2022-7400	ksaemb.kr@gmail.com
Senegal	02-745-5554	senegalembassyseoul@gmail.com
Serbia	02-797-5109	embserbseul@yahoo.com / srb.emb.repkorea@mfa.rs
Sudan	02-793-8692	embsudankr@gmail.com
Sri Lanka	02-735-2966	mission@slembkr.org / slemb.seoul@mfa.gov.lk
Thụy Điển	02-3703-3700	ambassaden.seoul@gov.se
Thụy Sĩ	02-739-9511	seoul@eda.admin.ch
Tây Ban Nha	02-794-3581	emb.seul@maec.es
Slovakia	02-794-3981	emb.seoul@mzv.sk
Slovenia	02-797-9971	sloembassy.seoul@gov.si
Sierra Leone	02-792-8911	info@sierra-leone.or.kr
Singapore	02-774-2464	singemb_seo@mfa.sg
Các Tiểu Vương Quốc Â Rập Thống Nhất	02-790-3235	seoulEMB@mofa.gov.ae
Argentina	02-796-8144	ecoresec@mrecic.gov.ar
Ireland	02-721-7200	seoulembassy@dfa.ie
Azerbaijan	02-797-1765	seoul@mission.mfa.gov.az
Afghanistan	02-793-3535	seoul@mfa.af
Algeria	02-794-5034	dzemb@algerianemb.or.kr
Angola	02-792-8463	secretariado@angolaembassy.or.kr
Estonia	02-6077-3700	embassy.seoul@mfa.ee
Ecuador	02-739-2401	eecucorea@cancilleria.gob.ec
Ethiopia	02-744-8558	seoul.embassy@mfa.gov.et
El Salvador	02-753-3432	embsalseoul@gmail.com

Quốc gia	Số điện thoại	Email
Vương quốc Anh	02-3210-5500	enquiry.seoul@fcdo.gov.uk
Oman	02-790-2431	seoul@fm.gov.om / oman.kr@gmail.com
Áo	02-721-1700	seoul-ob@bmeia.gv.at
Honduras	02-738-8402	embassy@hondurasembassykr.com
Jordan	02-318-2897	seoul@fm.gov.jo
Uruguay	02-6245-3179	urucoreadelsur@mrrree.gub.uy
Uzbekistan	02-574-6554	uz.embassy.seoul@gmail.com
Ukraina	02-790-5696	emb_kr@mfa.gov.ua
Iraq	02-790-4202	seoemb@mofa.gov.iq
Iran	02-793-7751	iranemb.sel@mfa.ir
Israel	02-3210-8500	info@seoul.mfa.gov.il
Ai Cập	02-749-0787	egyptian.embassy.seoul@gmail.com
Ý	02-750-0200	embassy.seoul@esteri.it
Ấn Độ	02-798-4257	amb.seoul@mea.gov.in / hoc.seoul@mae.gov.in
Indonesia	02-2224-9000	seoul.kbri@kemlu.go.id
Nhật Bản	02-2170-5200	info@so.mofa.go.jp
Zambia	02-793-1961	zamembseoul@gmail.com
Gruzia	02-792-7118	seoul.emb@mfa.gov.ge
Trung Quốc	02-771-9020	
Cộng hòa Séc	02-725-6765	seoul@embassy.mzv.cz
Chile	02-779-2610	corea@minrel.gob.cl
Kazakhstan	02-379-9714	seoul@mfa.kz
Qatar	02-798-2444	qatarembassy@koreamail.com
Campuchia	02-3785-1041	camemb.kor@mfaic.gov.kh
Canada	02-3783-6000	seoul@international.gc.ca
Kenya	02-3785-2903	info@kenya-embassy.or.kr
Costa Rica	02-753-9300	embrcr-kr@rree.go.cr
Bờ Biển Ngà	02-3785-0561	info.seoul@diplomatie.gouv.ci
Colombia	02-720-1361	ecoreadelsur@cancilleria.gov.co
Cộng hòa Dân chủ Congo	02-722-7958	congokoreaembassy@gmail.com
Kuwait	02-3270-8714	info@kuwaitembassy.kr
Croatia	02-310-9660	croemb.seoul@mvep.hr
Kyrgyzstan	02-379-0951	kgembassy.kr@mfa.gov.kg

Quốc gia	Số điện thoại	Email
Tajikistan	02-792-2535	tjkoreaemb@mfa.tj
Tanzania	02-793-7007	info@tanzaniaembassy.kr
Thái Lan	02-795-0095	thaiembassy.sel@mfa.mail.go.th / thaisel@mfa.go.th
Turkmenistan	02-796-9975	tmembassy.skr@gmail.com
Tunisia	02-790-4334	at.seoul@diplomatie.gov.tn
Thổ Nhĩ Kỳ	02-3780-1600	embassy.seoul@mfa.gov.tr
Panama	02-734-8610	panama@embaseoul.kr
Paraguay	02-792-8335	coreaembaparsc@mre.gov.py / pyemc3@gmail.com
Pakistan	02-796-8252	protocol@pkembassy.or.kr
Papua New Guinea	02-2198-5771	pngembassy@kunduseoul.kr / pngembassyeoul@gmail.com
Peru	02-757-1736	embaperu@peruembassy.kr
Bồ Đào Nha	02-3675-2251	seul@mne.pt
Ba Lan	02-723-9681	seul.amb.sekretariat@msz.gov.pl
Pháp	02-3149-4300	info.seoul-amba@diplomatie.gouv.fr
Phần Lan	02-792-6396	sanomat.seo@gov.fi
Philippines	02-3701-0300	seoulpe@philembassy-seoul.com
Hungary	02-792-2105	mission.sel@mfa.gov.hu
Úc	02-2003-0100	seoul-inform@dfat.gov.au

※ Nguồn: Các cơ quan đại diện nước ngoài tại Hàn Quốc của Bộ Ngoại giao (<https://www.mofa.go.kr>)



Bước đầu tiên cho hành trình du học Hàn Quốc

Xuất bản bởi: Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia

Sửa bởi: Nhóm hỗ trợ du học Hàn Quốc

Tháng xuất bản: Tháng 12/2023